

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Phương Thảo

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN
VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI BẮC HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Phương Thảo

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm phương Thảo Mã SV: 1612401013
Lớp: QT2001K Ngành: Kế toán – Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty.
- Số liệu về thực trạng kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty.
- Hệ thống sổ, phiếu, HĐ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng.
- Địa chỉ: Đội 2 (tại nhà bà Nguyễn Thị Hồng)-Xã Tân Dương-Huyện Thủy Nguyên-Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn:

Họ và tên: Phạm Thị Kim Oanh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 30 tháng 3 năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Phương Thảo

ThS. Phạm Thị Kim Oanh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Phạm Thị Kim Oanh

Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Phạm Phương Thảo Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán

Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Kế toán thanh toán với người mua, người bán

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Nghiêm túc, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận tốt nghiệp
- Đảm bảo đúng yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Chăm chỉ, chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tiễn, thu thập tài liệu liên quan và đề xuất được các giải pháp góp phần hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Tác giả đã hệ thống hóa được lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng.
- Những kiến nghị, đề xuất gắn với thực tiễn giúp hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP | 2 |
| 1.1 Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán..... | 2 |
| 1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua | 3 |
| 1.2.1 Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua..... | 3 |
| 1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua | 5 |
| 1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua | 7 |
| 1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán | 10 |
| 1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán..... | 10 |
| 1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán..... | 10 |
| 1.3.3 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán | 12 |
| 1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ | 15 |
| 1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán..... | 15 |
| 1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ | 16 |
| 1.5. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán | 20 |
| 1.6. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán..... | 20 |
| 1.7. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán | 21 |
| 1.7.1. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung:..... | 21 |
| 1.7.2. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái:..... | 23 |
| 1.7.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ:..... | 25 |
| 1.7.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính | 27 |
| CHƯƠNG II THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH DV TM BẮC HẢI PHÒNG..... | 29 |
| 2.1 Khái quát chung về công ty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng | 29 |
| 2.1.1 Lịch sử hình thành..... | 29 |
| 2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty | 29 |

| | | |
|--|---|-----------|
| 2.1.3 | Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty | 29 |
| 2.1.4 | Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty | 31 |
| 2.2. | Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng..... | 32 |
| 2.2.1. | Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng | 32 |
| 2.2.2 | Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng..... | 33 |
| 2.2.3 | Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng..... | 45 |
| CHƯƠNG 3 MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI BẮC HẢI PHÒNG | | 59 |
| 3.1 | Nhận xét chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng..... | 59 |
| 3.1.1 | Ưu điểm | 59 |
| 3.1.2 | Hạn chế | 60 |
| 3.2. | Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng. | 61 |
| 3.2.1 | Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán..... | 61 |
| 3.2.1.1 | Giải pháp 1: tăng cường quản lý công nợ | 62 |
| 3.2.1.2 | Giải pháp 2: Dự phòng phải thu khó đòi..... | 65 |
| 3.2.1.3 | Giải pháp 3: Sử dụng phần mềm kế toán và quản lý khách hàng. | 68 |
| KẾT LUẬN | | 73 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | | 74 |

DANH MỤC SƠ ĐỒ

| | |
|---|----|
| Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán người mua theo TT133/2016/TT-BTC..... | 7 |
| Sơ đồ 1.2:Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán theo TT 133/2016/TT-BTC..... | 12 |
| Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán thanh toán với người mua bằng ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn hoạt động SXKD (trong năm tài chính) | 16 |
| Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán thanh toán với người bán bằng ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn hoạt động SXKD (trong năm tài chính) | 17 |
| Sơ đồ 1.5:Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo..... | 19 |
| Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung | 22 |
| Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái:..... | 24 |
| Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ..... | 26 |
| Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy | 27 |
| Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty | 30 |
| Sơ đồ 2.2: Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức ghi sổ Nhật ký chung..... | 31 |
| Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán thanh toán với người mua | 34 |
| Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty..... | 46 |
| Sơ đồ 3.1: Sơ đồ tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi | 68 |

DANH MỤC BẢNG BIỂU

| | |
|---|----|
| Biểu số 2.1 Hóa đơn giá trị gia tăng..... | 36 |
| Biểu số 2.2: Giấy báo có | 37 |
| Biểu số 2.3 Hóa đơn giá trị gia tăng..... | 39 |
| Biểu 2.4: Trích sổ nhật ký chung 2019 | 41 |
| Biểu 2.5: Trích sổ cái 131 | 42 |
| Biểu số 2.6: Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng 131 | 43 |
| Biểu số 2.7: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người mua | 44 |
| Biểu số 2.8 Hóa đơn giá trị gia tăng..... | 48 |
| Biểu số 2.9: Hóa đơn giá trị gia tăng..... | 50 |
| Biểu số 2.10: Ủy nhiệm chi..... | 51 |
| Biểu 2.11 Giấy báo nợ..... | 52 |
| Biểu số 2.12 Hóa đơn giá trị gia tăng..... | 53 |
| Biểu số 2.13 Trích sổ nhật ký chung..... | 55 |
| Biểu số 2.14: Trích sổ cái 331..... | 56 |
| Biểu số 2.15 Sổ chi tiết thanh toán với người bán | 57 |
| Biểu số 2.16 Bảng tổng hợp thanh toán với người bán..... | 58 |

LỜI MỞ ĐẦU

Đối với bất kỳ nền kinh tế nào, việc tổ chức kế toán một cách hợp lý có vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt để thực hiện tốt việc quản lý kinh tế ở các doanh nghiệp. Tổ chức công tác kế toán tốt là điều kiện để phát huy đầy đủ các chức năng nhiệm vụ của kế toán đồng thời giảm chi phí tới mức thấp nhất.

Đối với các doanh nghiệp, quan hệ thanh toán với người mua và người bán gắn liền với quá trình mua và bán ra hàng hóa. Các nghiệp vụ liên quan đến quan hệ này diễn ra thường xuyên đồng thời hình thức sử dụng trong thanh toán và phương thức thanh toán ảnh hưởng tới việc ghi chép của kế toán lại thường xuyên biến đổi.

Trước những thay đổi liên tục phát triển và mở rộng của quan hệ thanh toán với người mua, người bán ảnh hưởng của nó tới tình hình tài chính của mỗi doanh nghiệp, yêu cầu nghiệp vụ đối với kế toán thanh toán cũng cao hơn. Kế toán không chỉ có nhiệm vụ ghi chép mà còn phải chịu trách nhiệm thu hồi nhanh các khoản nợ, tìm nguồn huy động vốn để trả nợ, biết lường trước hạn chế rủi ro trong thanh toán,...trong quá trình hoàn thiện để có thể thích nghi với những thay đổi đó, kế toán chịu trách nhiệm sẽ gặp phải không ít những khó khăn, đây là điều không thể trách khỏi.

Quá trình tìm hiểu cũng như những kiến thức đã được học tại trường cùng với sự hướng dẫn chỉ bảo tận tình của giảng viên Th.S Phạm Thị Kim Oanh em đã nhìn nhận được tầm quan trọng và ý nghĩa đã nêu trên. Em đã đi sâu, tìm hiểu và lựa chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng”*** để làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Đề tài gồm có 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

Khái niệm thanh toán: Là sự chuyển giao tài sản của một bên (người hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

Phương thức thanh toán: Là cách thức chi trả cho hợp đồng mua bán được sự thống nhất của bên bán và bên mua. Đối với thanh toán trong nước thông thường có 2 phương thức thanh toán là: thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

- **Thanh toán trực tiếp:** Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng tiền cán bộ tạm ứng, bằng chuyển khoản, có thể thanh toán bằng hàng (hàng đổi hàng)...

- **Thanh toán chậm trả:** Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng tiền cán bộ tạm ứng, bằng chuyển khoản, có thể thanh toán bằng hàng (hàng đổi hàng)...

Hình thức thanh toán: Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền, là sự liên kết các yếu tố của quá trình thanh toán. Các hình thức cụ thể: gồm hai loại là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- ✓ **Thanh toán bằng tiền mặt:** bao gồm các loại hình thanh toán như: thanh toán bằng tiền Việt Nam, bằng ngoại tệ các loại, hối phiếu ngân hàng và các loại giấy tờ có giá trị như tiền... Đây là các hình thức thanh toán trực tiếp giữa hai bên. Khi nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ... thì bên mua xuất tiền mặt ở quỹ để trả trực tiếp cho người bán. Hình thức thanh toán này trên thực tế chỉ phù hợp với các giao dịch nhỏ và đơn giản, bởi vì các khoản mua có giá trị lớn việc thanh toán trở nên phức tạp và kém an toàn. Thông thường hình thức này được áp dụng để thanh toán cho công nhân viên, với các nhà cung cấp nhỏ, lẻ.

- ✓ **Thanh toán không bằng tiền mặt:** là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian

là ngân hàng. Các hình thức bao gồm: thanh toán bằng Séc, thanh toán bằng ủy nhiệm thu, thanh toán bằng ủy nhiệm chi, thanh toán bằng thư tín dụng – L/C.

✓ **Thanh toán bằng Séc:** Séc là chứng từ thanh toán do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn đặc biệt của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng tính tiền từ tài khoản của mình trả cho đơn vị có tên trên Séc. Đơn vị phát hành Séc hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng Séc. Séc chỉ phát hành khi tài khoản ở ngân hàng có số dư. Séc thanh toán gồm có Séc chuyển khoản, Séc bảo chi, Séc tiền mặt và Séc định mức.

✓ **Thanh toán bằng ủy nhiệm chi:** Ủy nhiệm chi là giấy ủy nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp, nộp ngân sách Nhà nước, và một số khoản thanh toán khác...

✓ **Thanh toán bằng ủy nhiệm thu:** Ủy nhiệm thu là hình thức mà chủ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu hộ một số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.

✓ **Thanh toán bù trừ:** Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này, định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thỏa thuận rồi lập thành văn bản để làm căn cứ theo dõi.

✓ **Thanh toán bằng thẻ tín dụng – L/C:** Theo hình thức này khi mua hàng, bên mua phải lập một khoản tín dụng tại ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh toán cho bên bán. Khi giao hàng xong, ngân hàng của bên mua sẽ phải chuyển số tiền phải thanh toán cho ngân hàng của bên bán. Hình thức này áp dụng cho các đơn vị khác địa phương, không tín nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng trong thanh toán nội địa nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.

✓ **Thanh toán bằng thẻ tín dụng:** Hình thức này được sử dụng chủ yếu cho các khoản thanh toán nhỏ.

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua

1.2.1 Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh

toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

Phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ.

Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ TK 131), kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì bên Nợ TK 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước.

Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên Có TK 131) kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên Có TK 131 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước.

Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập BCTC. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một

tỷ giá do công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

a. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Hợp đồng bán hàng (đối với những khách hàng có giao dịch lớn/ 1 lần giao dịch)
- Hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn GTGT) do doanh nghiệp lập
- Phiếu xuất kho
- Chứng từ thu tiền: phiếu thu, giấy báo có
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Sổ cái TK 131
- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 131 từng khách hàng
- Bảng tổng hợp TK 131

b. Tài khoản sử dụng

Tk 131: Phải thu của khách hàng

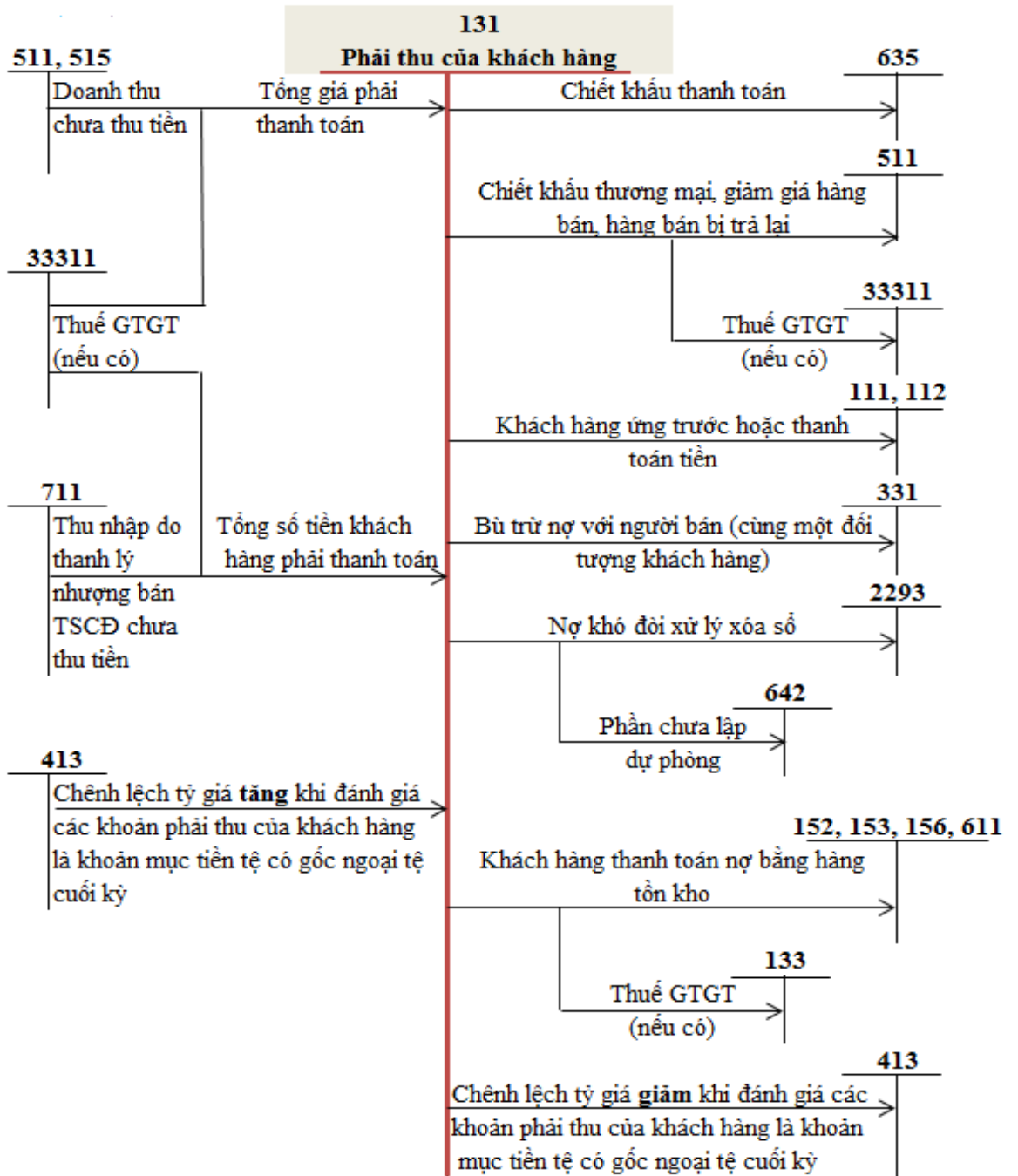
Kết cấu TK 131: phải thu của khách hàng

| Bên nợ | Bên có |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng - Đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). | <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền khách hàng đã trả nợ - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng - Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT) - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua - Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam). |
| <p style="text-align: center;">Số dư bên nợ</p> <ul style="list-style-type: none"> -Số tiền còn phải thu của khách hàng | <p style="text-align: center;">Số dư bên có</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Khi lập BCTC, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn” |

Chú ý: Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán người mua theo TT133/2016/TT-BTC

(1) Khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền kế toán ghi nhận doanh thu ghi:

- Đối với sản phẩm, hàng hóa.. thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu... kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 131 - Phải thu khách hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Giá chưa có thuế)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp về Nhà nước.

- Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - thuế và các khoản phải nộp về Nhà nước

(2) Nhận tiền do khách hàng trả, nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 131 - Phải thu khách hàng

(3) Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu khách hàng

(4) Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

(5) Kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

- Hợp đồng xây dựng quy trình nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính tin cậy, kế toán căn cứ chứng từ phản ánh doanh thu với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu xác định:

Nợ TK 337 – Thanh toán theo tiến độ thi kế hoạch hợp đồng xây dựng
Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng:

Nợ TK 131 - Phải thu khách hàng

Có TK 337 – Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng
Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định và được khách hàng xác nhận, kế toán lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu khách hàng

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

- Khi nhận được nhận tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(6) Phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu được phải xử lý xóa sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131 - Phải thu khách hàng

(7) Khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng, căn cứ giá trị vật tư, hàng hóa nhận hàng trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng:

Nợ TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 – Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 – Hàng hóa

Nợ TK 611 – Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 131 – Phải thu khách hàng.

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ, hoặc cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ trả tiền ngay.

Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo chính thức của người bán.

Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

a. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Các chứng từ về mua hàng: Hợp đồng mua bán, hoá đơn bán hàng (hoặc hoá đơn GTGT) do người bán lập, biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hoá, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận...
- Các chứng từ thanh toán tiền hàng: phiếu chi, giấy báo nợ, uỷ nhiệm chi, séc,...
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Sổ cái TK 331
- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 331 từng khách hàng
- Bảng tổng hợp tài khoản 331

b. Tài khoản sử dụng

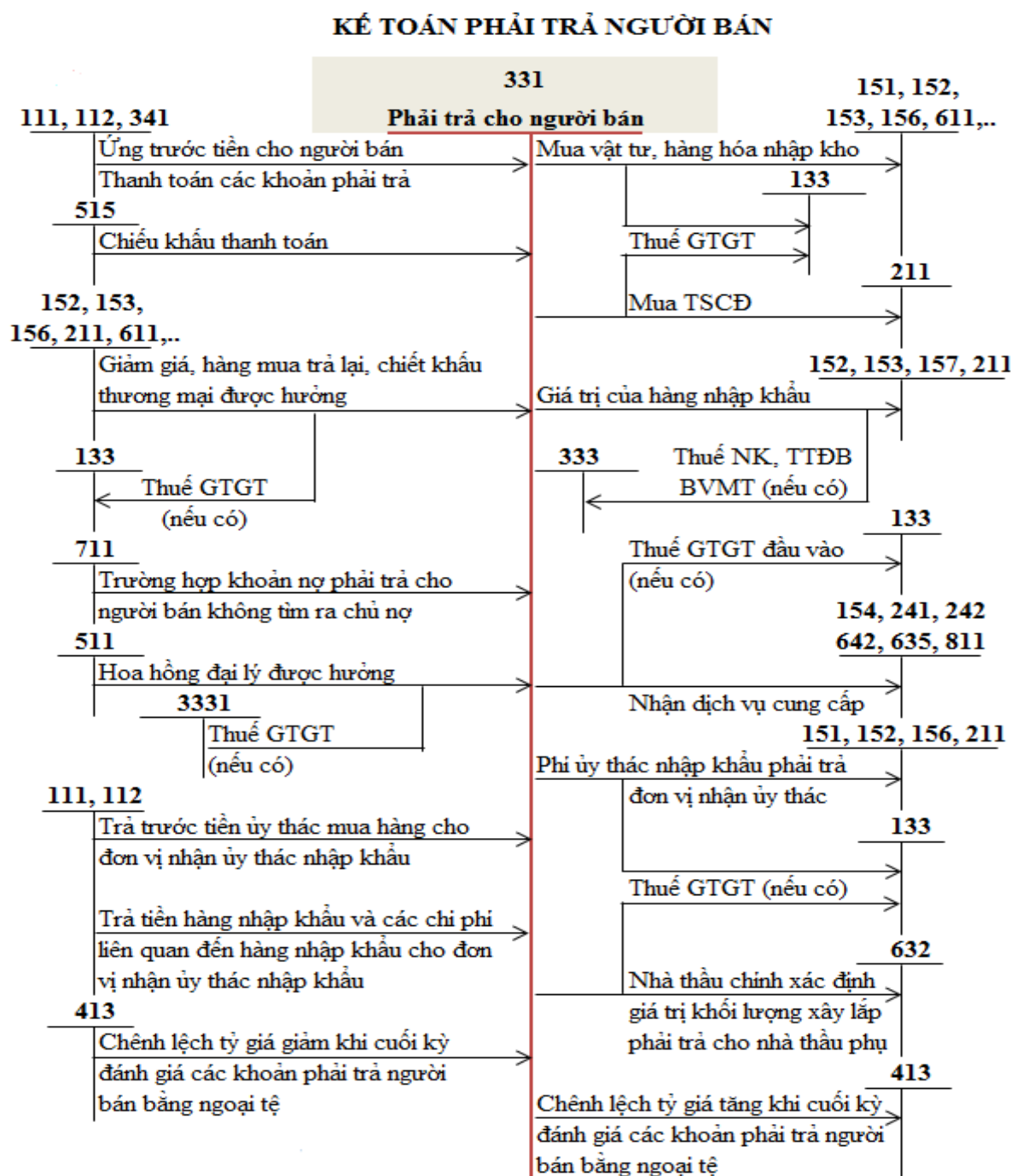
TK 331: Phải trả cho người bán

Kết cấu TK 331: phải trả người bán

| Bên nợ | Bên có |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp. - Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao. - Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng. Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào các khoản nợ phải trả cho người bán. - Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). | <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp. - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). |
| <p style="text-align: center;">Số dư bên nợ (nếu có)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể | <p style="text-align: center;">Số dư bên có</p> <ul style="list-style-type: none"> -Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp. |

Chú ý: Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi hai chi tiêu bên “tài sản” và bên “nguồn vốn”

1.3.3 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán theo TT 133/2016/TT-BTC

(1) Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho và kê khai theo phương pháp kê khai thường xuyên:

- Mua nội địa:

+ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 152, 156,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

+ Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị hàng hóa gồm cả thuế GTGT

- Trường hợp nhập khẩu ghi:

+ Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm thuế TTĐB, thuế xuất khẩu,...

Nợ TK 152, 156,...

Có TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu

Có TK 3332 - Thuế TTĐB

+ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

(2) Mua vật tư, hàng hóa, chưa trả tiền người bán về nhập kho. Hạch toán hàng tồn kho theo kiểm kê định kỳ:

- Mua hàng nội địa:

+ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 611 – Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả người bán (tổng giá thanh toán)

+ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật liệu, hàng hóa gồm cả thuế GTGT (tổng thanh toán)

- Trường hợp nhập khẩu ghi:

+ Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm thuế TTĐB, thuế XK,...

Nợ TK 611 – Mua hàng

Có TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu

+ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

(3) Ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người xây lắp ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 111, 112,...

(4) Khi nhận lại tiền do người bán hoàn trả lại số tiền ứng trước vì không cung cấp được hàng:

Nợ TK 111, 112,...

Có TK 331 - Phải trả người bán

(5) Chiết khấu thanh toán mua hàng hóa doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán:

Nợ TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

(6) Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hóa, điện nước, các dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 156 – Hàng hóa

Nợ TK 241 – XDCB dở dang

Nợ TK 242 – Chi phí trả trước

Nợ TK 623, 627, 641,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT

(7) Đơn vị thực hiện đầu tư XDCB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành giao cho bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp,...

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 241 – XDCB dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả người bán

- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XDCB bao gồm cả thuế GTGT (Tổng thanh toán).

(8) Các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác cho doanh nghiệp:

Nợ TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 711 – Thu nhập khác

(9) Khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Nợ TK 133 - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331 – Phải trả người bán

(10) Hàng hóa mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp nhận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán:

Nợ TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 152, 156, 611...

1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán

Tỷ giá hối đoái được hiểu là giá của một đơn vị ngoại tệ tính theo đồng nội tệ. Đây chính là giá của ngoại tệ trên thị trường và được xác định dựa trên quan hệ cung cầu về ngoại tệ.

a) Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:

Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (USD). Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ.

Trong kế toán sử dụng 3 loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất quỹ và tỷ giá ghi nhận nợ.

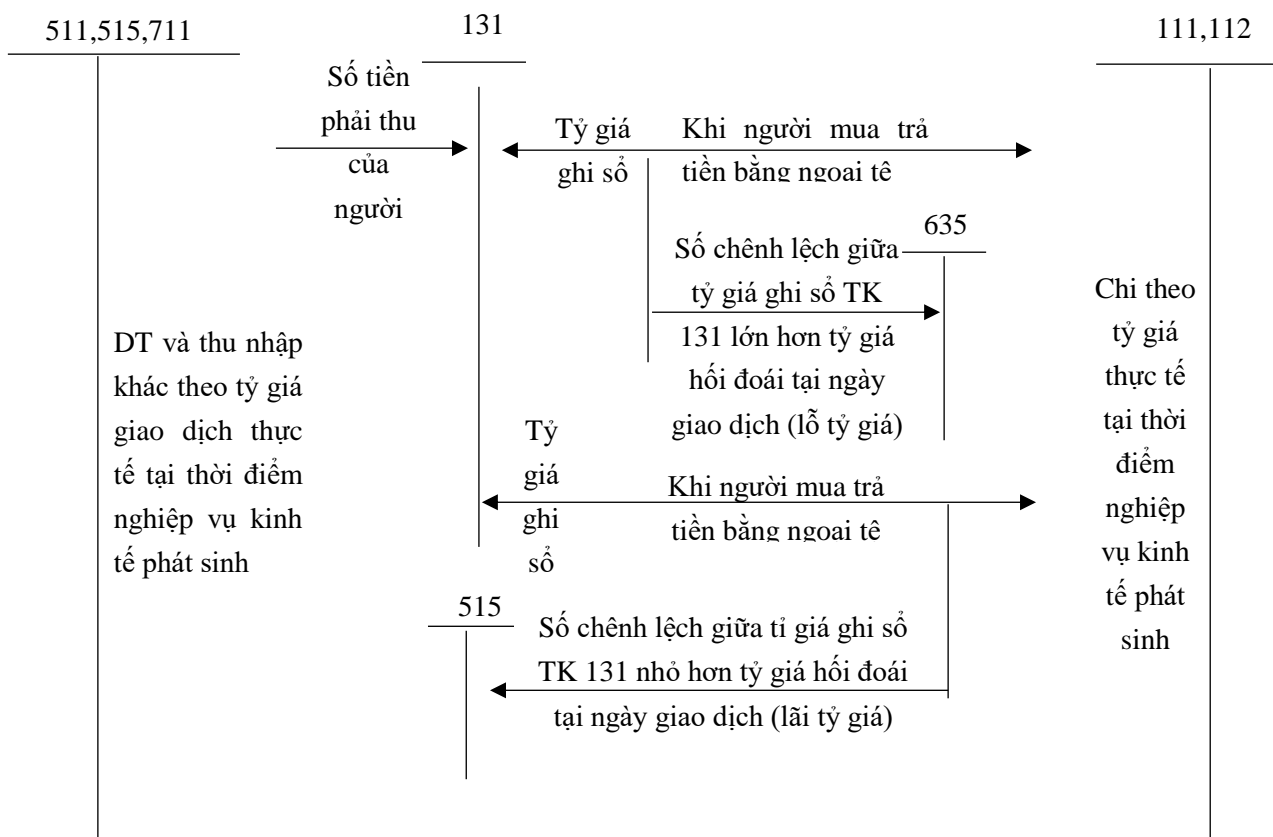
Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (là tỷ giá do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí, hàng tồn kho, TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi, hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.

Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, FIFO hoặc đích danh.

Cuối năm tài chính, kế toán phải tiến hành đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ

Kế toán nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán thanh toán với người mua bằng ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn hoạt động SXKD (trong năm tài chính)

- Khi bán hàng cho khách hàng bằng ngoại tệ chưa thu được tiền:

- Nợ TK 131 (Tỷ giá thực tế)
- Có TK 511 (Tỷ giá thực tế)
- Có TK 3331 (Tỷ giá thực tế)

- Khi khách hàng thanh toán:

+ Phát sinh lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ:

- Nợ TK 111, 112: theo tỷ giá thực tế ngày thanh toán
- Nợ TK 635: Chênh lệch lỗi tỷ giá
- Có TK 131: Theo tỷ giá ghi sổ.

+ Phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ:

Nợ TK 111, 112: tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch

Có TK 515: doanh thu hoạt động tài chính (chênh lệch của tỷ giá thực tế với tỷ giá ghi sổ)

Có TK 131: tỷ giá ghi sổ kế toán

- Khi lập Báo cáo tài chính, đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

+ Phát sinh lãi

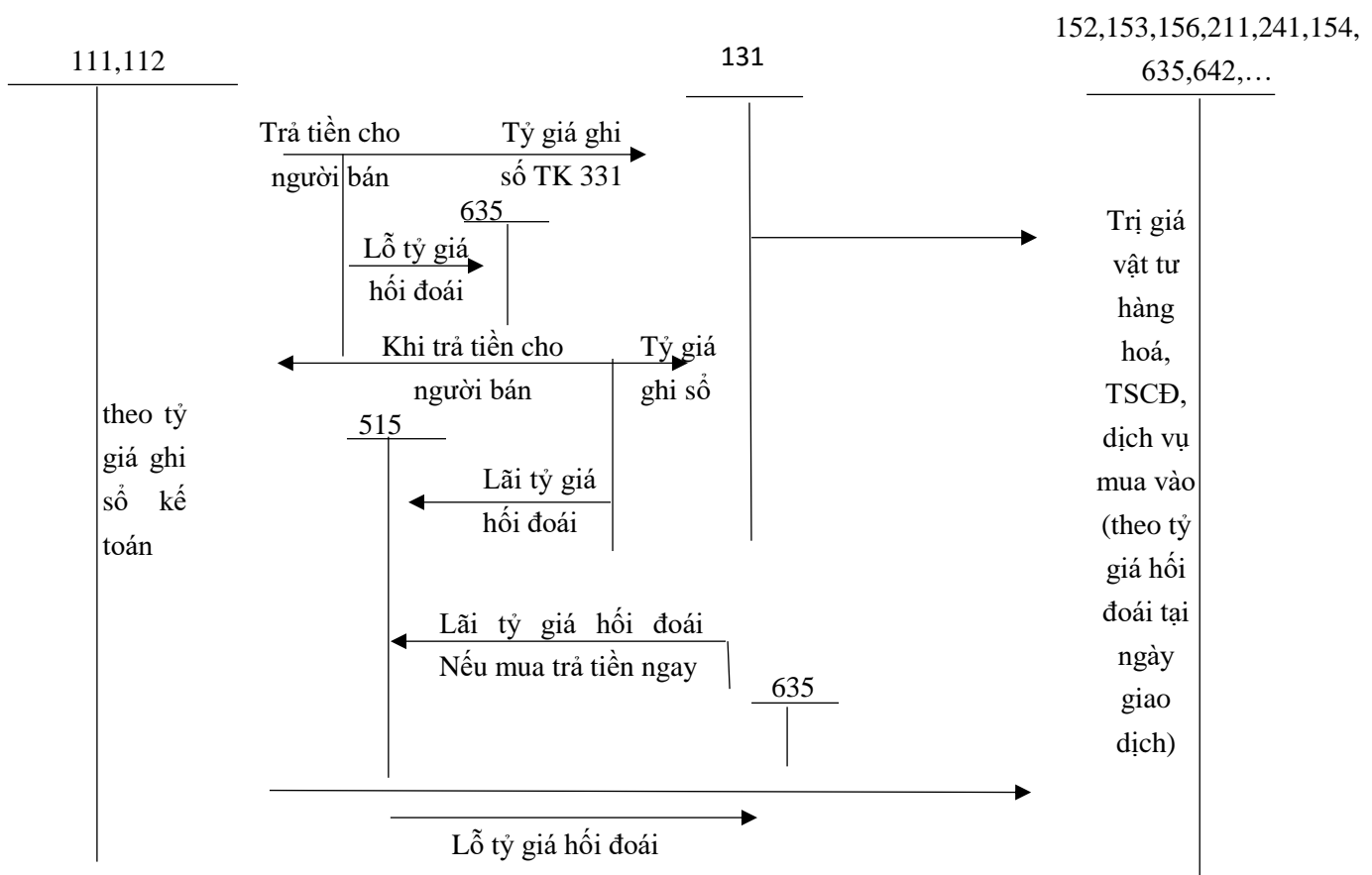
Nợ TK 131: Phải thu của khách hàng

Có TK 413: Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái

+ Phát sinh lỗ:

Nợ TK 413: Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 131: Phải thu của khách hàng



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán thanh toán với người bán bằng ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn hoạt động SXKD (trong năm tài chính)

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh.

Nợ TK 152, 153, 156, 211: tỷ giá thực tế

Nợ TK 133: VAT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331: phải trả cho người bán (tỷ giá thực tế)

- Khi thanh toán:

+ Phát sinh lỗ tỷ giá

Nợ TK 331: tỷ giá ghi sổ

Nợ TK 635: nếu lỗ về tỷ giá hối đoái (chênh lệch giữa tỷ giá thực tế với tỷ giá ghi sổ)

Có TK 111, 112...: số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế thanh toán.

+ Phát sinh lãi tỷ giá:

Nợ TK 331: tỷ giá ghi sổ

Có TK 111, 112...: số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế thanh toán.

Có TK 515: nếu lãi về tỷ giá hối đoái (chênh lệch giữa tỷ giá ghi sổ với tỷ giá thực tế).

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam:

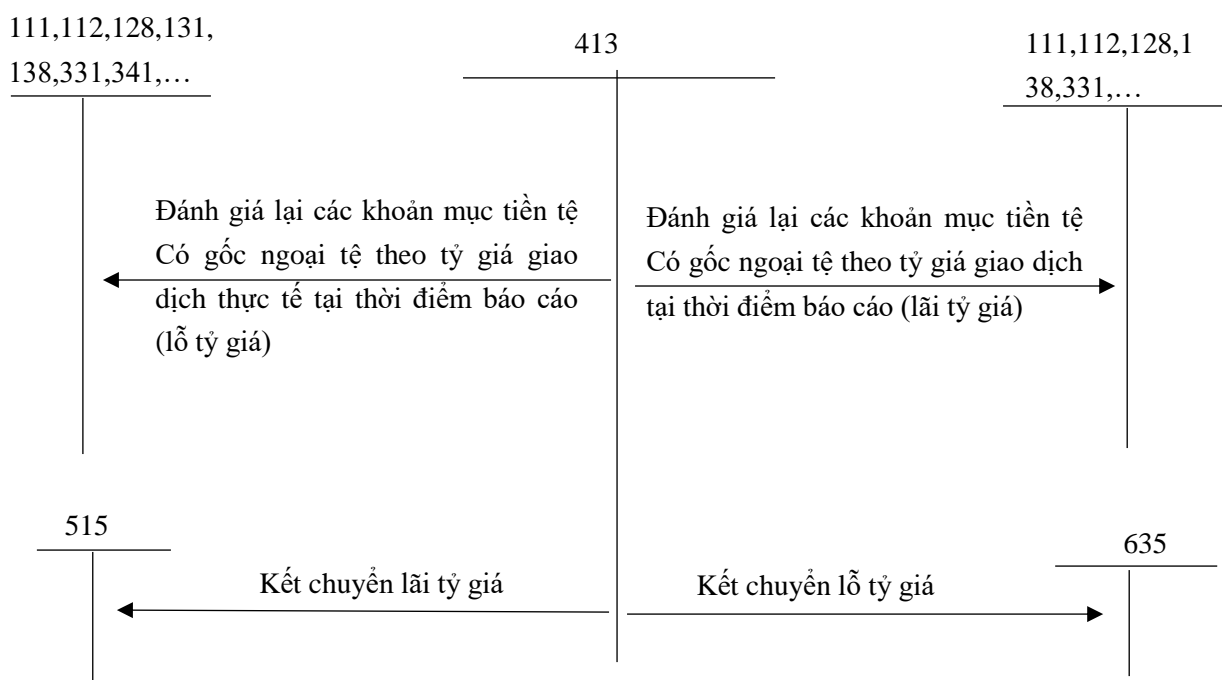
Nợ TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 413 – Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với đồng Việt Nam:

Nợ TK 413 – Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 331 - Phải trả người bán



Sơ đồ 1.5: Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo

Các doanh nghiệp có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải được thực hiện ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất.

Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của hoạt động kinh doanh.

Đối với doanh nghiệp đầu tư XD CB, tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ phát sinh trong kỳ (giai đoạn trước hoạt động) chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm được phản ánh vào Nợ hoặc Có TK 413 cho đến thời điểm hoàn thành đầu tư xây dựng, bàn giao công trình đưa vào sử dụng sẽ được kết chuyển ngay toàn bộ hoặc phân bổ dần vào Có TK 515 hoặc Nợ TK 635 trong thời gian tối đa không quá 5 năm.

1.5. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán

Với lượng vốn chủ sở hữu có hạn, doanh nghiệp không thể nào chi trả tất cả các khoản phát sinh trong hoạt động kinh doanh, dẫn đến phải chiếm dụng vốn của tổ chức khác làm phát sinh quan hệ thanh toán. Trong tất cả các khoản phải thu của doanh nghiệp thì phải thu khách hàng chiếm vị trí quan trọng nhất. Số tiền thu được từ khách hàng là nguồn tiền chính để doanh nghiệp có thể chi trả các khoản nợ và tiếp tục hoạt động kinh doanh của mình. Việc quản lý và thu hồi nợ có hiệu quả sẽ nâng cao khả năng thanh toán của doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp có tình hình tài chính ổn định để vượt qua những rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình và quyết định sự liên tục của quá trình hoạt động kinh doanh

Quan hệ thanh toán là yếu tố của hoạt động tài chính và là cơ sở cho công tác quản lý tài chính trong một doanh nghiệp.

Thông qua các thông tin về nghiệp vụ thanh toán chi tiết theo từng đối tượng, thời gian và tình hình thanh toán sẽ giúp cho các nhà quản lý nắm được tình hình thanh toán của doanh nghiệp rồi từ đó đưa ra các chính sách thu hồi nợ, thanh toán nợ và cân đối tài chính doanh nghiệp giữa vốn chiếm dụng và vốn bị chiếm dụng sao cho hợp lý.

Vì vậy, các nghiệp vụ liên quan đến việc thanh toán phát sinh đều được thể hiện qua các chứng từ, sổ sách nên việc quản lý các khoản nợ và thu hồi nợ phải được tiến hành thông qua kế toán. Việc quản lý thường xuyên và chi tiết của kế toán mà ban giám đốc sẽ có những quyết định đúng đắn, có những biện pháp kịp thời trong việc thu hồi nợ phải thu sớm nhất có thể từ phía khách hàng nhưng vẫn phải đảm bảo duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng, đồng thời chi trả đúng hạn cho người bán nhằm nâng cao uy tín của công ty. Tóm lại, quan hệ thanh toán với người mua người bán có ảnh hưởng quan trọng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

1.6. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán

- Tổ chức ghi chép nhằm theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả chi tiết theo từng đối tượng, từng khoản nợ, từng thời gian, đôn đốc việc thanh toán kịp thời, tránh chiếm dụng vốn lẫn nhau.

- Đối với những khách nợ có quan hệ giao dịch mua bán thường xuyên hoặc có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối niên độ kế toán cần tiến hành kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn nợ. Nếu cần có thể yêu cầu khách hàng xác nhận nợ bằng văn bản.

- Giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành kỷ luật thanh toán.

- Tổng hợp, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình công nợ từng loại cho quản lý để có biện pháp xử lý.

- Tổ chức hệ thống tài khoản, hệ thống sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp để phản ánh công nợ phải thu và phải trả. Đồng thời cũng cần xây dựng nguyên tắc, quy trình kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp thanh toán với người mua, người bán sao cho khoa học và hợp lý, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo tuân thủ quy định và chế độ.

1.7. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán

1.7.1. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung:

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

+ sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt

+ Sổ cái

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

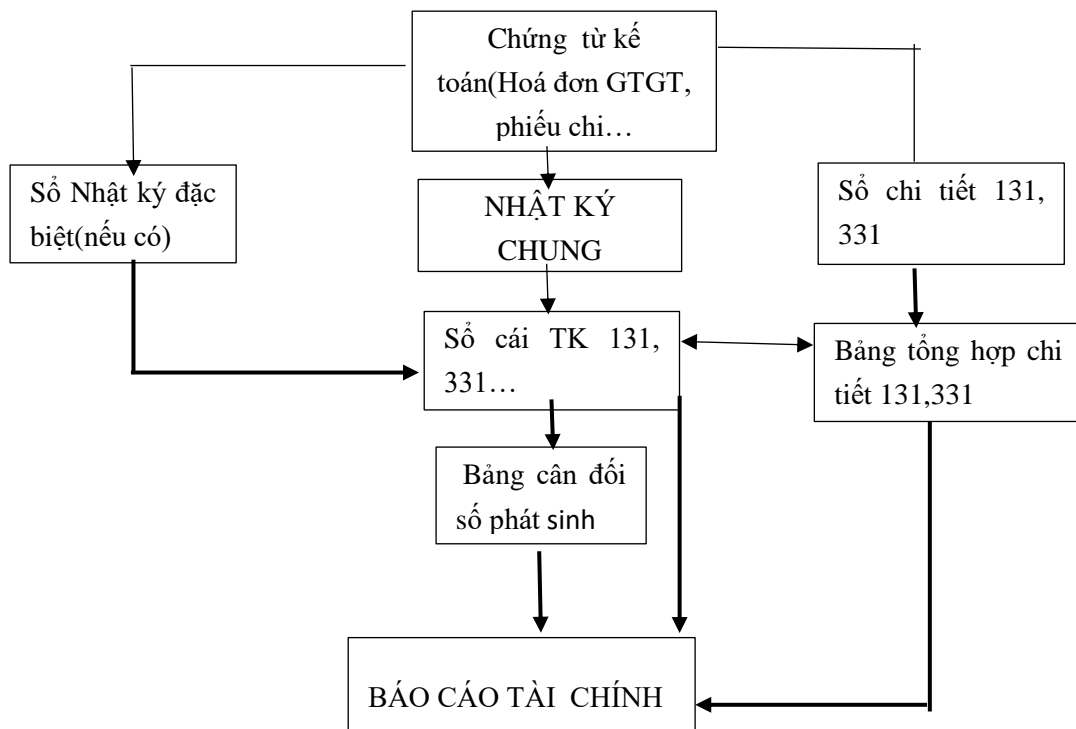
-Ưu điểm

+ Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

+ Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán

+ Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

-Nhược điểm: Lượng ghi chép nhiều.



Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: →

Đối chiếu: ↔

a. Công việc hàng ngày:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

- Nếu đơn vị có mở sổ , thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung , các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ , thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10, ... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

b. Công việc cuối tháng, quý, năm:

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và

bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung (hoặc sổ nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

1.7.2. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Sổ sách chủ yếu:

- + Nhật ký - Sổ cái;
- + Các sổ, thẻ chi tiết.

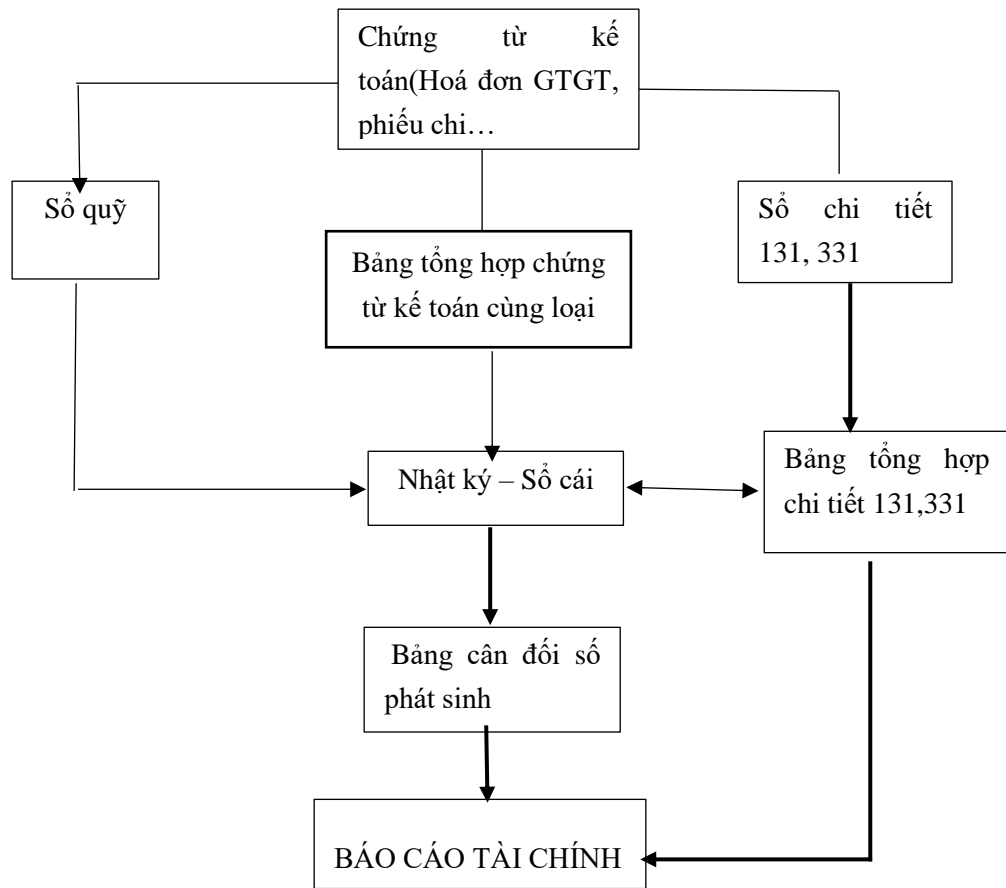
- Ưu điểm

- + Số lượng ít, mẫu số đơn giản dễ ghi chép.
- + Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng

hợp Nhật ký chung – Sổ cái

-Nhược điểm

- + Khó thực hiện phân công lao động kế toán
- + Khó thực hiện đối với doanh nghiệp nhỏ.



Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái:

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi định kỳ: —————→

Đối chiếu: <—————>

- Công việc hàng ngày:

+ Kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ được ghi trên một dòng của cả hai phần Nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong cùng một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

+ Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký - Sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Công việc cuối tháng:

+ Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán trong tháng vào sổ Nhật ký - Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột nợ, cột có trong từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng khoản trên Nhật ký – Sổ cái.

1.7.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ:

* Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

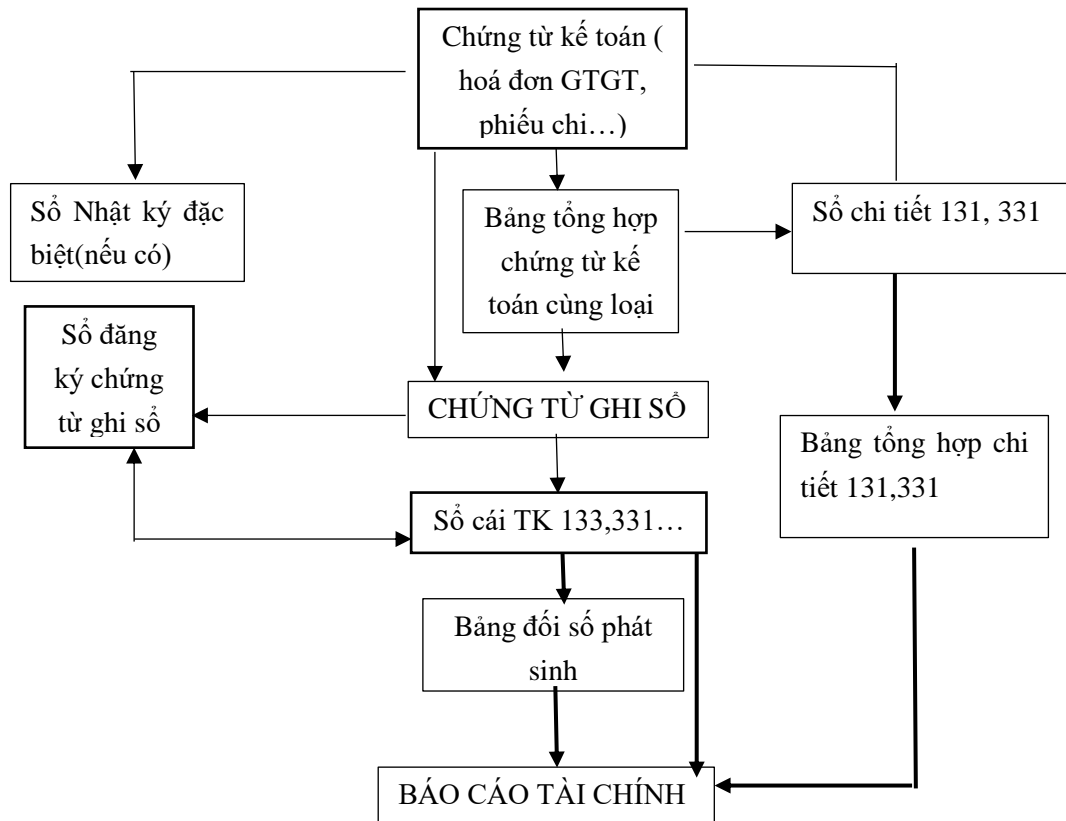
- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập dựa trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.
- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sổ kế toán:

- Chứng từ ghi sổ;
 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
 - Sổ cái;
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;
- * Ưu điểm
- Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

* Nhược điểm

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.
- Việc thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện cuối tháng vì vậy cung cấp thông tin thường chậm.



Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:** →
- Ghi định kỳ:** →
- Đối chiếu:** ↔

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

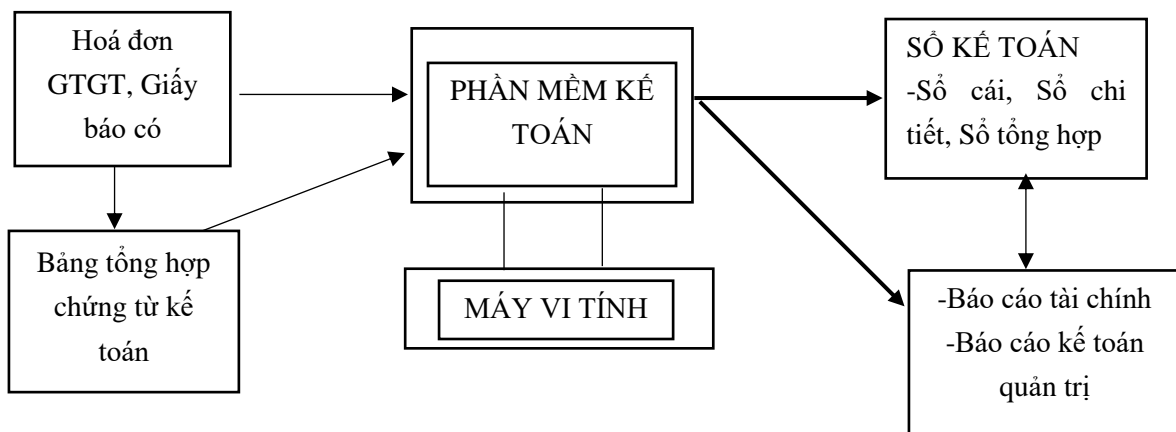
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số

dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.7.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: —————>

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: —————>

Đối chiếu, kiểm tra: <—————>

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH DV TM BẮC HẢI PHÒNG

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng

2.1.1 Lịch sử hình thành

Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng được thành lập ngày 23/02/2017 theo giấy phép kinh doanh số 0201944142 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt kết quả nhất định và góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của địa phương.

Tên chính thức: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI BẮC HẢI PHÒNG**

Người DDPL: Nguyễn Thị Hồng

Mã số thuế: 0201944142

Địa chỉ thông tin liên hệ

Địa Chỉ: Đội 2(tại nhà bà Nguyễn Thị Hồng), xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3702718

Nơi đăng ký quản lý:

Ngày cấp giấy phép: 23-02-2017

Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VND

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Xuất phát từ cơ cấu nguồn vốn cũng như tình hình cơ sở vật chất hiện có công ty đã không ngừng phát triển kinh doanh, đa dạng các loại hình dịch vụ,...

Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng đăng ký hơn 35 ngành nghề kinh doanh: hoạt động liên qua đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; cho thuê mái móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; vận tải hàng hoá bằng đường bộ; xây dựng nhà để ở; chuẩn bị mặt bằng;

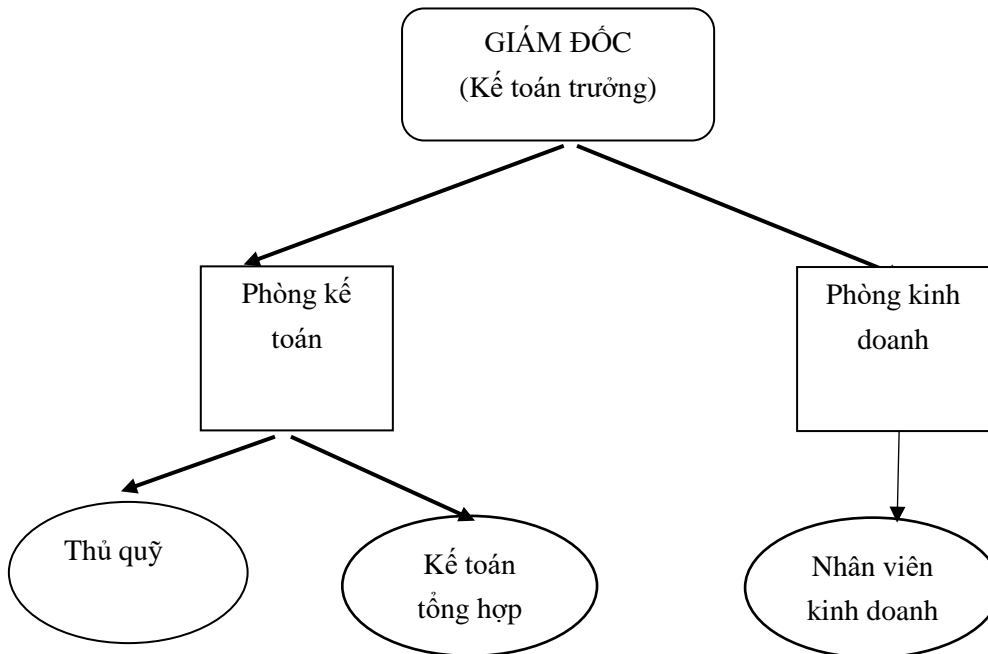
2.1.3 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Bộ máy kế toán có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, sản xuất kinh

doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho hiệu quả nhất.

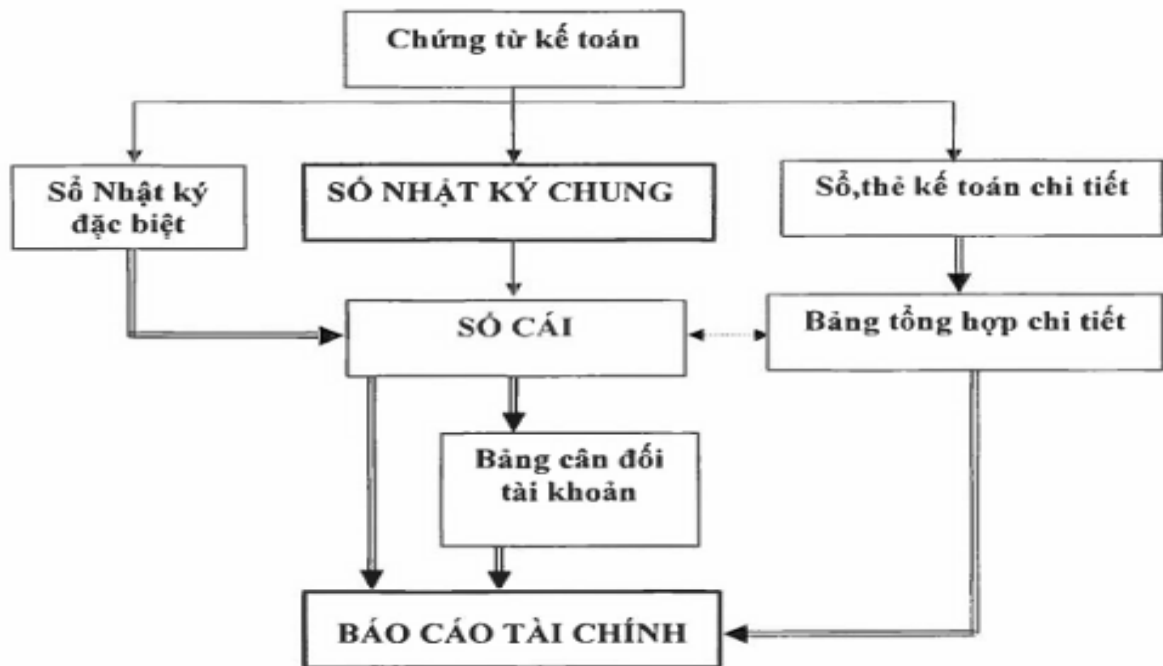
Ta có mô hình kế toán của công ty như sau:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty



- Giám đốc: Người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển cho công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính, chất lượng. Tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.
- Phòng kinh doanh: Thực hiện các hoạt động kinh doanh, lập kế hoạch tiêu thụ và thực hiện.
- Phòng Kế toán: thực hiện công tác kế toán của công ty, cụ thể:
 - + Kế toán tổng hợp: Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu, do các bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập các bút toán kết chuyển lúc cuối kì. Lập báo cáo tháng, quý, năm, lập báo cáo tài chính.
 - + Thủ quỹ: Có nhiệm vụ nhập, xuất tiền mặt theo các chứng từ đã được giám đốc và kế toán trưởng duyệt. Thủ quỹ thường xuyên kiểm tra, ghi chép chi tiết trên sổ quỹ để làm căn cứ để đối chiếu giữa số liệu thực tế và số liệu hoạch toán của bộ phận kế toán tài sản bằng tiền .

2.1.4 Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty



Sơ đồ 2.2: Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức ghi sổ Nhật ký chung.

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: \longrightarrow

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: \longleftrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái, bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Kế toán tiến hành khóa sổ và lập báo cáo tài chính.

Các chính sách kế toán của công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc .

Công ty áp dụng đầy đủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán: công ty vận dụng theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán tại công ty

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung.

Phương pháp sử dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng

Tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (theo tháng)

Công ty sử dụng tiền Việt Nam Đồng là lai tiền chính trong hệ thống kế toán. Việc hoán đổi từ ngoại tệ sang tiền Việt Nam Đồng hoặc ngược lại sẽ dựa theo tỷ giá công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào thời điểm phát sinh giao dịch.

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng

Quan hệ thanh toán được hiểu là một quan hệ kinh doanh xảy ra khi doanh nghiệp có quan hệ mua bán và có sự trao đổi về một khoản vay nợ tiền vốn cho kinh doanh.

Hàng hóa dịch vụ kinh doanh chủ yếu của công ty:

- Xi măng
- Gạch lát
- Dịch vụ đăng ký thành lập cty
- Dịch vụ kế toán thuế
-

Tại công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng áp dụng phương thức thanh toán trả ngay và chậm trả.

- Phương thức thanh toán trả ngay: Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán tiền ngay cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản ...

- Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán.

- Đối với người mua: Với khách hàng nhập lượng vật liệu lớn và khách hàng sử dụng dịch vụ công ty có thể áp dụng phương thức chậm trả và thu theo quý
- Đối với người bán: Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ, lẻ. còn với nhà cung cấp lâu năm, cung cấp số lượng hàng nhiều công ty có thể trả ngay hoặc chậm trả tùy từng trường hợp cụ thể.

Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng áp dụng 2 hình thức thanh toán là bằng tiền mặt và chuyển khoản.

- Các khoản thanh toán với người mua: Doanh nghiệp có thể áp dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng do thỏa thuận giữa hai bên.

- Các khoản thanh toán cho người bán có giá trị từ 20.000.000đồng trở lên doanh nghiệp buộc phải chuyển khoản, dưới 20.000.000 đồng doanh nghiệp có thể chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt theo thỏa thuận

2.2.2 Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng

Chúng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng:

-Chúng từ sử dụng:

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có
- + Các chứng từ liên quan khác

-Tài khoản sử dụng

+ TK 131: Tài khoản này để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng về tiền bán dịch vụ, hàng hóa...

TK 111: Tiền mặt

TK 112: Tiền gửi ngân hàng

TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

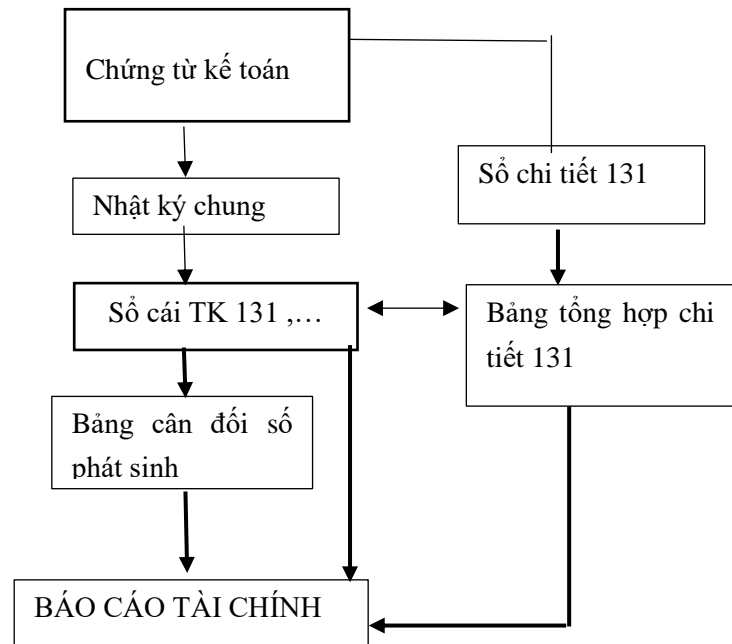
TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật Ký chung
- Sổ cái TK 131 và các tài khoản khác có liên quan
- Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

- Sổ chi tiết thanh toán với người mua

➤ Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán thanh toán với người mua

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi định kỳ: —————→

Đối chiếu: <—————>

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái tài khoản 131 và sổ cái các tài khoản có liên quan. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết tài khoản 131.

- Cuối kỳ, từ sổ chi tiết tài khoản 131 lập bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 131 và cộng số liệu trên Sổ Cái 131 và sổ cái các tài khoản có liên quan lập Bảng cân đối số phát sinh (Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết 131) sau đó được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

Ví dụ 1: Ngày 30/06/2019 công ty bán 164 tấn xi măng cho công ty cổ phần Mỹ thuật Không Gian Xanh, với giá bán 1.230.000 đồng/ tấn, thuế VAT 10% chưa thu tiền theo hóa đơn GTGT số 0000005

Kế toán căn cứ vào các chứng từ phát sinh để ghi chép vào sổ sách kế toán định khoản theo :

Nợ TK 131: 221.892.000

Có TK 511: 201.720.000

Có TK 3331: 20.172.000

Kế toán ghi sổ nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết 131 mở cho công ty cổ phần Mỹ Thuật Không Gian Xanh sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Từ sổ nhật kí chung kế toán ghi sổ cái TK 131,TK 511

Cuối kỳ căn cứ sổ chi tiết TK 131- phải thu khách hàng mở cho công ty cổ phần Mỹ Thuật Không Gian Xanh để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng

Biểu số 2.1 Hóa đơn giá trị gia tăng

| HOÁ ĐƠN | | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | |
|--|----------------------|---------------------------------------|---------------------|--|-------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Kí hiệu: AA/19P | | |
| Liên 3: Nội bộ | | | Số: 0000005 | | |
| Ngày 30/6/2019 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng MST: 0201944142 Địa chỉ: Đội 2 (tại nhà bà Nguyễn Thị Hồng), xã Tân Dương, huyện Thuỷ Nguyên, TP Hải Phòng Tài khoản: 32810000807625 Tại ngân hàng BIDV – CN Lạch Tray, Hải Phòng | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT KHÔNG GIAN XAN4 MST: 0201814224 Địa chỉ: Số 133 Phố Mới xã Thủy Sơn, huyện Thuỷ Nguyên, TP Hải Phòng Tài khoản: 30124875635981 Tại ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng Hình thức thanh toán: Chuyển khoản | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 01 | Xi măng | Tấn | 164 | 1.230.000 | 201.720.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 201.720.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 20.172.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 221.892.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi một triệu tám trăm chín mươi hai nghìn đồng | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, họ tên) | | Người bán hàng (Ký, họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, họ tên) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn) | | | | | |

Công ty thanh toán tiền bằng chuyển khoản, ngày 05 tháng 09 năm 2019 ngân hàng báo có 221.892.000đ trong tài khoản

Biểu số 2.2: Giấy báo có

| | | |
|---|--------------------|---------------------------------|
|  | GIẤY BÁO CÓ | Số/Seri Ngày GD : 05/09/2019 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | | |
| Mã số thuế : 01062742992 | | |
| Địa chỉ : Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Lạch Tray Hải Phòng | | |
| Mã khách hàng: 0201944142 | | |
| Tên khách hàng: Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng | | |
| Địa chỉ : Đội 2 (tại nhà bà Nguyễn Thị Hồng), xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng | | |
| Số tài khoản: 32810000807625 | | |
| Người chuyển tiền : Cty CP Mỹ thuật Không Gian Xanh | | |
| Ngân hàng chuyển : NH TMCP An Bình - CN Hải Phòng (ABBank) | | |
| Số tiền ghi có : 221.892.000 | | |
| Số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi một triệu tám trăm chín mươi hai nghìn đồng | | |
| Nội dung : Cty Không Gian Xanh trả tiền | | |
| Giao dịch viên | | Kiểm soát viên |

Ví dụ 2: Ngày 08/07/2019 công ty bán gạch cho công ty TNHH PHOENIX Inox với giá chưa thuế là 18.086.400/ đồng, thuế VAT 10%, theo HĐ GTGT số 0000015, chưa thu tiền.

Kế toán căn cứ vào các chứng từ phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131: 19.895.040

Có TK 511: 18.086.400

Có TK 333: 1.808.640

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131. Căn cứ số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 131, TK 511

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Biểu số 2.3 Hóa đơn giá trị gia tăng

| HOÁ ĐƠN | | | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | |
|---|-------------------------|--|-----------------|---|------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | | Kí hiệu: AA/19P | |
| Liên 3: Nội bộ | | | | Số: 0000015 | |
| Ngày 08/07/2019 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng | | | | | |
| MST: 0201944142 | | | | | |
| Địa chỉ: Đội 2 (tại nhà bà Nguyễn Thị Hồng), xã Tân Dương, huyện Thuỷ Nguyên, TP Hải Phòng | | | | | |
| Tài khoản: 32810000807625 Tại ngân hàng BIDV – CN Lạch Tray, Hải Phòng | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: | | | | | |
| Tên đơn vị: CÔNG TY PHOENIX INOX | | | | | |
| MST: 0201150132 | | | | | |
| Địa chỉ: Khu đường 10, đội 4B, xã Tân Dương, huyện Thuỷ Nguyên, TP Hải Phòng | | | | | |
| Hình thức thanh toán: TM/CK | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 01 | Gạch Ceramic(60x60)A1-4 | M2 | 230,4 | 78.500 | 18.086.400 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 18.086.400 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 1.808.640 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 19.895.040 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn không trăm bốn mươi đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn) | | | | | |

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngày 20/08/2019 công ty PHOENIX INOX thanh toán tiền công nợ cho công ty bằng tiền mặt:

Kế toán căn cứ chứng từ phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 111: 19.895.040

Có TK 131: 19.895.040

Cty TNHH DVTM Bắc Hải Phòng

Mẫu số 01-TT

Đ/c: Đội 2, xã Tân Dương, Thủy
Nguyên, HP

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 20 tháng 08 năm 2019

Số:215

Họ, tên người nộp tiền: Cty Phoenix Inox

Địa chỉ: Khu đường 10, đội 4B, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, TP HP

Lý do nộp : Thu tiền bán gạch Ceramic

Số tiền: 19.895.040 đồng

Viết bằng chữ : Mười chín triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn không trăm bốn mươi đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập phiếu | Người nộp tiền | Thủ quỹ |
|-------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|---------------------|
| <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> |

Biểu 2.4: Trích sổ nhật ký chung 2019

Cty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

Đ/c: Đội 2, xã Tân Dương, Thủy

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

Nguyên, HP

Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

ĐVT: Đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | |
|------------|---------------|------------|--|------------------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 30/06/2019 | HĐ 0000005 | 30/06/2019 | Công ty Cổ phần Mỹ thuật Không Gian Xanh mua xi măng | 131 | 221.892.000 | |
| | | | | 511 | | 201.720.000 |
| | | | | 333 | | 20.172.000 |
| | | | | ... | | |
| 08/07/2019 | HĐ 0000015 | 08/07/2019 | Công ty Phoenix Inox mua gạch | 131 | 19.895.040 | |
| | | | | 511 | | 18.086.400 |
| | | | | 333 | | 1.808.640 |
| | | | | | | |
| 20/08/2019 | PT 215 | 20/08/2019 | Công ty Phoenix Inox thanh toán tiền | 111 | 19.895.040 | |
| | | | | 131 | | 19.895.040 |
| | | | | | | |
| 05/09/2019 | GBC 5/9 | 05/09/2019 | Công ty Không Gian Xanh trả tiền | 112 | 221.892.000 | |
| | | | | 131 | | 221.892.000 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh | | 40.494.776.893 | 40.494.776.893 |

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu)

Biểu 2.5: Trích sổ cái 131

Cty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

Đ/c: Đội 2, xã Tân Dương, Thủy

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

Nguyên, HP

Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2019

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

DVT: Đồng

| NT ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền | |
|----------------------|-----------------|-------|---|------------|----------------------|----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | 985.030.000 | |
| 30/06 | HĐ 0000005 | 30/06 | Công ty Cổ phần Mỹ thuật Không Gian Xanh mua xi măng | 511 | 201.720.000 | |
| | | | | 333 | 20.172.000 | |
| ... | | | | | | |
| 08/07 | HĐ 0000015 | 08/07 | Công ty Phoenix Inox mua gạch | 511 | 18.086.400 | |
| | | | | 333 | 1.808.640 | |
| | | | | | | |
| 20/08 | PT 215 | 20/08 | Công ty Phoenix Inox thanh toán tiền | 111 | | 19.895.040 |
| | | | | | | |
| 05/09 | GBC 5/9 | 05/09 | Công ty Không Gian Xanh trả tiền | 112 | | 201.720.000 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 3.438.537.000 | 3.228.492.000 |
| Số dư cuối kỳ | | | | | 1.095.075.000 | |

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.6: Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng 131

Cty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng

Mẫu số S12-DNN

Đ/c: Đội 2, xã Tân Dương, Thủy (Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
Nguyễn, HP

Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG**Tài khoản 131: Phải thu khách hàng****Năm 2019**

Đối tượng : Công ty cổ phần Mỹ thuật Không gian xanh

Đơn vị tính: Đồng

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | | Số dư | |
|----------|----------|-------|------------------------------|------------|---------------------------|-------------|----------------------------|-----|
| | SH | NT | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | | 200.000.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 20/08 | HD05 | 20/08 | Bán xi măng chưa thu tiền | 511 333 | 201.720.000 20.172.000 | | 201.720.000 221.892.000 | |
| 05/09 | GBC05/9 | 05/09 | Thanh toán tiền xi măng | 112 | | 221.892.000 | | 0 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng số phát sinh | | 432.838.000 | 321.892.000 | | |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | | 310.946.000 | |

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người mua

Cty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC)

Đ/c: Đội 2, xã Tân Dương, Thủy Nguyên, HP

Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**Tài khoản 131: Phải thu khách hàng****Năm 2019**

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Tên khách hàng | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh trong kỳ | | Số dư cuối kỳ | |
|-----|------------------------------------|--------------|-------|-----------------------|---------------|---------------|------|
| | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 1 | Cty CP Mỹ Thuật Không Gian xanh | 200.000.000 | | 432.838.000 | 321.892.000 | 310.946.000 | |
| 2 | Cty Phoenix Inox | | | 29.700.000 | 29.700.000 | | |
| 3 | Cty Hưng Thắng | | | 6.600.000 | 6.600.000 | | |
| ... | | | | | | | |
| | Cộng phát sinh | 985.030.000 | | 3.438.537.000 | 3.228.492.000 | 1.095.075.000 | |

Hải Phòng, Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

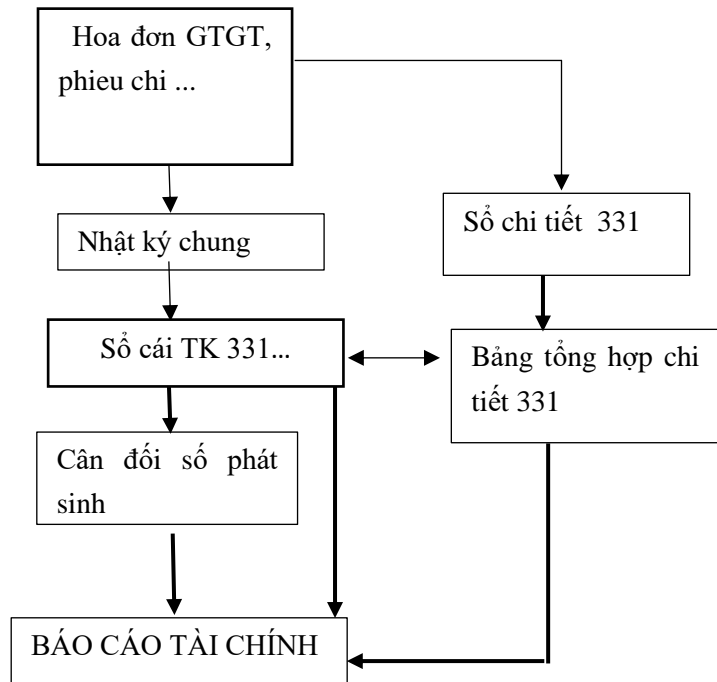
2.2.3 Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng

Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

- Chứng từ để thanh toán với người bán gồm:
 - + Hợp đồng mua bán
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu chi
 - + Giấy báo nợ của ngân hàng, Ủy nhiệm chi
 - + Giấy đề nghị thanh toán
 - + Các chứng từ liên quan khác
- Tài khoản sử dụng
 - + TK 331: Phải trả người bán

Tài khoản này được mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

- + TK 156: Hàng hóa
- + TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ chi tiết phải trả người bán
 - + Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
 - + Sổ cái TK 331 và các sổ sách có liên quan



Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \longrightarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái tài khoản 331 và sổ cái các tài khoản có liên quan. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết tài khoản 331.

- Cuối kỳ, từ sổ chi tiết tài khoản 331 lập bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 331 và cộng số liệu trên Sổ Cái 331 và sổ cái các tài khoản có liên quan lập Bảng cân đối số phát sinh (Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết 331) sau đó được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

Ví dụ 1: Ngày 14/3/2019 mua 2 cây máy tính của công ty TNHH một thành viên thương mại và dịch vụ tin học Lâm Hiếu, đơn giá 7.727.273 đồng/ cây chưa VAT, thuế suất 10% chưa thanh toán, kế toán căn cứ vào các chứng từ phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 242: 15.454.546

Nợ TK 133: 1.545.454

Có TK 331: 17.000.000

Kế toán ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi sổ chi tiết phải trả người bán TK 331. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 331, TK 242, TK 133.

Cuối kỳ căn cứ sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán

Biểu số 2.8 Hóa đơn giá trị gia tăng

| HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 2: Giao cho người mua) Ngày 14/03/2019 | | | Mẫu số: 01GTKT3/005 Kí hiệu: AA/18P Số: 0001572 | | |
|---|-------------------------|--|--|---|------------|
| Đơn vị bán hàng: CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TM DV TIN HỌC LÂM HIẾU MST: 0200851567 Địa chỉ: Tổ 24 phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng Số tài khoản: 57866529 Điện thoại: 02253513939 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng MST: 0201944142 Địa chỉ: Đội 2(tại nhà bà Nguyễn Thị Hồng), xã Tân Dương, huyện Thuỷ Nguyên, TP Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM/ CK | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 01 | Cây máy tính Đông Nam Á | Cây | 02 | 7.727.273,00 | 15.454.546 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 15.454.546 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 1.545.454 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 17.000.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu đồng chẵn | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn) | | | | | |

Cty TNHH DVTM Bắc Hải Phòng

Mẫu số 02-TT

Đ/c: Đội 2, xã Tân Dương, Thủy
Nguyên, HP

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 14 tháng 03 năm 2019

Số:72

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thu Thủy

Địa chỉ: Công ty MTV TMDV Tin Học Lâm Hiếu

Lý do chi tiền : Thanh toán tiền mua cây máy tính

Số tiền: 17.000.000 đồng

Viết bằng chữ : *Mười bảy triệu đồng chẵn.*

Kèm theo 01 chứng từ gốc

| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập phiếu | Người nhận | Thủ quỹ |
|-------------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|
| <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> |

Ví dụ 2: Ngày 27/04/2019, công ty mua 164 tấn xi măng của công ty Hà Phương

Căn cứ các chứng từ có liên quan, kế toán định khoản:

Nợ TK 156: 201.272.727

Nợ TK 133: 20.127.273

Có TK 331: 221.400.000

Kế toán ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 331, TK 112, TK 156

Cuối kỳ căn cứ sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán

Biểu số 2.9: Hóa đơn giá trị gia tăng

| HOÁ ĐƠN | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | | |
|---|-----------------------|-----------------------|----------|-------------------------------|-------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | Kí hiệu: AA/17P | | | |
| (Liên 2: Giao cho người mua) | | Số: 0001899 | | | |
| Ngày 27/04/2019 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: công ty cổ phần Hà Phương | | | | | |
| MST: 0200468317 | | | | | |
| Địa chỉ: thôn Kinh Triều, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng | | | | | |
| Số tài khoản: Tại ngân hàng Vietinbank – CN Thủy Nguyên, Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại: 0313.874105 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng | | | | | |
| MST: 0201944142 | | | | | |
| Số tài khoản: 32810000807625 Tại ngân hàng BIDV – CN Lạch Tray, Hải Phòng | | | | | |
| Địa chỉ: Đội 2, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng | | | | | |
| Hình thức thanh toán: TM/CK | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | Xi măng PCB 30 | Tấn | 164 | 1.227.272.73 | 201.272.727 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 201.272.727 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | 20.127.273 | |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 221.400.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi một triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | | Thủ trưởng đơn vị | |
| (Ký, ghi rõ họ tên) | | (Ký, ghi rõ họ tên) | | (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn | | | | | |


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngày 23/7 cty viết ủy nhiệm chi thanh toán tiền cho HD 0001899, ngân hàng gửi báo nợ 221.400.000VND

Biểu số 2.10: Ủy nhiệm chi

| ỦY NHIỆM CHI | |
|---|--|
| Chi nhánh Lạch Tray Hải Phòng MST: 010150619182 | Số/Seri: 0009 Ngày 23/07/2019 |
| Số tiền: 221.400.000 VNĐ | Phí ngân hàng |
| Bằng chữ: Hai trăm hai một triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn Nội dung: cty Bắc Hải Phòng ứng tiền | |
| Người yêu cầu: Cty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng Địa chỉ:Đội2,xã Tân Dương, huyện Thuỷ Nguyên,tp Hải Phòng Số TK: 32810000807625 Tại: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạch Tray Hải Phòng | Người hưởng: Cty Hà Phương Địa chỉ: Thủy Triều, Thủy Nguyên, HP Số TK: 0031000183478 Tại: Vietinbank- Chi nhánh Thủy Nguyên Hải Phòng |
| Phần dành cho ngân hàng <ul style="list-style-type: none">• MST khách hàng• Tổng cộng ghi nợ• Phí ngân hàng• Thuế VAT• Số tiền chuyển | Người yêu cầu ghi họ và tên, đóng dấu Kế toán trưởng Chủ tài khoản |
| | Dành cho ngân hàng/người hưởng/NH trung gian |

Biểu 2.11 Giấy báo nợ

| | | |
|---|---------------|---|
|  | | Liên 2: Giao khách hàng GIẤY BÁO NỢ |
| Chi nhánh Lạch Tray Hải Phòng | | Số/Seri: |
| MST: 01015061982 | | Ngày 23/07/2019 |
| Tài khoản: 32810000807625 | | |
| Tên cty: Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng | | |
| | | Ngân hàng BIDV xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách hàng được ghi nợ như sau: |
| Diễn giải: Công ty DV TM Bắc Hải Phòng trả tiền | | Số tiền 221.400.000 VND |
| Người hưởng: cty Hà Phương TK NH: 003100183478 – NH Vietinbank CN TN | | |
| Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng | | |
| Người lập | Kiểm soát | Giám đốc |
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) |

Ví dụ 3: Ngày 06/12/2019, công ty mua 130,4 met vuông gạch Ceramic của công ty cổ phần thương mại DHT với đơn giá 78.500 đồng/ met vuông, thuế VAT 10%, chưa thanh toán.

Kế toán căn cứ vào chứng từ phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán theo:

Nợ TK 156: 10.236.400

Nợ TK 133: 1.023.640

Có TK 331: 11.260.040

Kế toán ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 mở cho công ty cổ phần thương mại DHT, sổ chi tiết 156. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 331, TK 156, TK 133. Cuối kỳ lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán

Biểu số 2.12 Hóa đơn giá trị gia tăng

| | | | | | |
|--|--|--|-----------------|---|------------|
| <p>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 2: Giao cho người mua) Ngày 06/12/2019</p> | <p>Mẫu số: 01GTKT2/001 Kí hiệu: AA/18P Số: 000027</p> | | | | |
| <p>Đơn vị bán hàng: công ty cổ phần thương mại DHT MST: 0200592341 Địa chỉ: Số 287 Hoàng Quốc Việt, Ngọc Sơn, Kiến An, Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: 02253878186</p> | | | | | |
| <p>Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng MST: 0201944142 Địa chỉ: Đội 2(tại nhà bà Nguyễn Thị Hồng),xTân Dương,h Thủy Nguyên,tp Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM/CK</p> | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 01 | Gạch Ceramic | M2 | 130,4 | 78.500 | 10.236.400 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 10.236.400 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 1.023.640 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 11.260.040 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu hai trăm sáu mươi nghìn không trăm bốn mươi đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | | | | |

Cty TNHH DVTM Bắc Hải Phòng

Mẫu số 02-TT

Đ/c: Đội 2, xã Tân Dương, Thủy

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

Nguyễn, HP

Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 06 tháng 12 năm 2019

Số:256

Họ, tên người nhận tiền: Trần Đức Vi

Địa chỉ: Công ty cổ phần thương mại DHT

Lý do chi tiền : Thanh toán tiền mua gạch Ceramic

Số tiền: 11.260.040 đồng

Viết bằng chữ : Mười một triệu hai trăm sáu mươi nghìn không trăm bốn mươi đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập phiếu | Người nhận | Thủ quỹ |
|-------------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|
| <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> |

Biểu số 2.13 Trích sổ nhật ký chung

Cty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng

Đ/c: Đội 2, xã Tân Dương, Thủy

Nguyên, HP

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2019**

Tên đơn vị : đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | |
|------------|---------------|------------|---|------------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | NỢ | CÓ |
| | | | | | | |
| 14/03/2019 | HĐ 0001572 | 14/03/2019 | Mua cây máy tính của công ty TNHH một thành viên TM DV tin học Lâm Hiếu | 242 | 15.454.546 | |
| | | | | 133 | 1.545.454 | |
| | | | | 331 | | 17.000.000 |
| | | | | | | |
| 27/04/2019 | HĐ 0001899 | 27/04/2019 | Công ty mua xi măng của công ty Hà Phương | 156 | 201.272.727 | |
| | | | | 133 | 20.127.273 | |
| | | | | 331 | | 221.400.000 |
| | | | | | | |
| 23/07/2019 | GBN 23/7 | 23/07/2019 | Cty trả tiền cho cty Hà Phương | 331 | 221.400.000 | |
| | | | | 112 | | 221.400.000 |
| | | | | | | |
| 06/12/2019 | HĐ 0000027 | 06/12/2019 | Công ty mua gạch men Ceramic của công ty cổ phần TM DHT | 156 | 10.236.400 | |
| | | | | 133 | 1.023.640 | |
| | | | | 331 | | 11.260.040 |
| 06/12/2019 | PC 256 | 06/12/2019 | Trả tiền cho cty DHT | 331 | 11.260.040 | |
| | | | | 111 | | 11.260.040 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh | | 40.494.776.893 | 40.494.776.893 |

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.14: Trích sổ cái 331

Cty TNHH DVTM Bắc Hải Phòng

Đ/c: Đội 2, xã Tân Dương, Thủy

Nguyên, HP

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2019

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

ĐVT: Đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | |
|------------|---------------|------------|---|------------|----------------------|----------------------|
| | SH | NT | | | NỢ | CÓ |
| | | | <u>SDDK</u> | | | |
| | | | | | | |
| 14/03/2019 | HĐ 0001572 | 14/03/2019 | Mua cây máy tính của công ty TNHH một thành viên TM DV tin học Lâm Hiếu | 242 | | 15.454.546 |
| | | | | 133 | | 1.545.454 |
| | | | | | | |
| 27/04/2019 | HĐ 0001899 | 27/04/2019 | Công ty mua xi măng của công ty Hà Phương | 156 | | 201.272.727 |
| | | | | 133 | | 20.127.273 |
| | | | | | | |
| 23/07/2019 | GBN 23/7 | 23/07/2019 | Công ty trả tiền cty Hà Phương | 112 | 221.400.000 | |
| | | | | | | |
| 06/12/2019 | HĐ 0000027 | 06/12/2019 | Công ty mua gạch men Ceramic của công ty cổ phần TM DHT | 156 | | 10.236.400 |
| | | | | 133 | | 1.023.640 |
| 06/12/2019 | PC 256 | 06/12/2019 | Trả tiền cho cty DHT | 111 | 11.260.040 | |
| | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh | | 1.521.400.000 | 1.873.200.000 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | 351.800.000 |

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15 Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Cty TNHH DVTM Bắc Hải Phòng

Mẫu số S12-DNN

Đ/c: Đội 2, xã Tân Dương, Thủy

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

Nguyễn, HP

Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty CP Hà Phương

Năm 2019

Tên đơn vị: Đồng

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | | Số dư | |
|----------|---------------|-------|----------------------------------|------------|--------------|---------------------------|-------|----------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 27/04 | HD00018 99 | 27/04 | mua xi măng | 156 133 | | 201.272.727 20.127.273 | | 201.272.727 221.400.000 |
| 23/07 | GBN 23/7 | 23/07 | Thanh toán tiền cho Hà Phương | 112 | 221.400.000 | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng số phát sinh | | 620.300.000 | 620.300.000 | | |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | | | 0 |

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu)

Biểu số 2.16 Bảng tổng hợp thanh toán với người bán

Cty TNHH DV TM Bắc Hải Phòng (Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC)
 Đ/c: Đội 2, xã Tân Dương, Thủy Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng BTC)
 Nguyên, HP

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN
Tài khoản: Phải trả người bán
Năm 2019

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Tên khách hàng | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh trong kỳ | | Số dư cuối kỳ | |
|-----|---------------------------|--------------|------|-----------------------|----------------------|---------------|--------------------|
| | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 1 | Cty CP Hà Phương | | | 620.300.000 | 620.300.000 | | |
| 2 | Cty TNHH ĐTVT Phương Linh | | | | 151.800.000 | | 151.800.000 |
| | | ... | | | | | |
| | Tổng | | | 1.521.400.000 | 1.873.200.000 | | 351.800.000 |

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 Năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI BẮC HẢI PHÒNG

3.1 Nhận xét chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng.

Hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp được thành lập nói chung và ngành dịch vụ thương mại nói riêng vì thế mà các doanh nghiệp cạnh tranh trên thị trường rất lớn vì vậy mà nền kinh tế đang rất khó khăn. Trên hệ thống thông tin kế toán có thể thực hiện bằng thủ công hoặc trên máy tính. Trong thời kì kinh tế phát triển hiện nay hệ thống thông tin kế toán thủ công thì hình thức kế toán theo Nhật ký chung được sử dụng trên các nước. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được ghi vào sổ nhật ký sau đó được nhập vào các sổ chi tiết và sổ cái liên quan.

Trong thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng, em nhận thấy rằng công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng có những ưu điểm và hạn chế sau.

3.1.1 Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức hợp lý với sự phân công nhiệm vụ rõ ràng và nhất quán. Đội ngũ nhân viên trẻ, có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao với công việc, năng động, luôn nỗ lực hết mình với những sáng tạo mới.
- Về hệ thống sổ sách: Công ty áp dụng hình thức sổ sách kế toán Nhật ký chung thực hiện thủ công. Hình thức này tương đối đơn giản, dễ hiểu, dễ thu nhận và xử lý thông tin, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ, điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Các sổ sách Công ty lập cho nghiệp vụ kế toán thanh toán cho người mua, người bán:
 - + Dành cho người mua hàng, chậm trả : sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết phải thu của khách hàng
 - + Dành cho người bán hàng Công ty chậm trả: Sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết phải trả khách hàng
 - + Bên cạnh đó còn có sổ quỹ tiền mặt và sổ quỹ tiền gửi ...

- Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ: Kế toán đã áp dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc do Bộ Tài Chính ban hành. Quy trình luân chuyển chứng từ hợp lý và hiệu quả.

- Việc tổ chức, lưu trữ chứng từ khoa học, đầy đủ, có hệ thống khiến việc kiểm tra, kiểm soát được dễ dàng, chính xác. Về hệ thống tài khoản: Công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản đúng theo Thông TT 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ Tài Chính.

Về hạch toán kế toán thanh toán: Công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn thực hiện hiện kịp thời vì công ty đã sử dụng sổ chi tiết để theo dõi công nợ của các đối tượng: người mua, người bán. Với việc theo dõi chi tiết giúp cho việc hạch toán tổng hợp được nhanh chóng kịp thời. Kế toán có thể cung cấp cho nhà quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty, còn nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính của công ty và hoạch định chiến lược cho phù hợp với công ty.

Công ty theo dõi công nợ phải thu, công nợ phải trả khách hàng một cách khoa học, chính xác và làm hài lòng khách hàng cũng như nhà cung cấp.

Phương thức thanh toán được áp dụng trong công ty khá đa dạng như: Tiền mặt, chuyển khoản....., tùy theo đối tượng khách hàng và đặc điểm riêng của đơn hàng mà công ty sẽ áp dụng các phương thức thanh toán khác nhau.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm Công ty song đối với tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng vẫn đang tồn tại một số thiếu sót cần được khắc phục :

- Công ty chưa áp dụng các phần mềm kế toán trong công tác hạch toán mà vẫn sử dụng thủ công để làm việc điều này dẫn đến công việc kế toán còn mất nhiều thời gian và sai sót :

+ Một nghiệp vụ kế toán phát sinh phải thực hiện vào ít nhất là 02 sổ kế toán, do vậy mất nhiều thời gian để kế toán thực hiện.

+ Việc cộng sổ thủ công cho nên không tránh khỏi nhầm lẫn phải sửa chữa. Do vậy sổ kế toán của Công ty còn nhiều chỗ thể hiện con số phải chỉnh sửa.

+ Vì nghiệp vụ kế toán thực hiện thủ công nên cuối kỳ báo cáo thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra của Công ty sẽ rất vất vả và mất nhiều thời gian.

+ Đặc biệt vì thực hiện thủ công nên khi lập Báo cáo tài chính gửi cơ

quan thuế là một việc thực sự mất nhiều thời gian đối với Công ty.

- Chưa có giải pháp đẩy mạnh công tác thu của khách hàng và thanh toán cho khách hàng để khắc phục các khoản nợ khó đòi và thanh toán cho người bán kịp thời.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Bắc Hải Phòng.

Nền kinh tế thị trường đang mở ra rất nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp phát triển, nhưng bên cạnh đó tồn tại không ít khó khăn và thách thức. Nếu doanh nghiệp nào điều phối tốt, biết khắc phục và hạn chế những khó khăn thì sẽ tạo đà cho doanh nghiệp đó bền vững và tiến lên, để hòa nhập với sự phát triển của thế giới. Trong các năm gần đây, nước ta đã không ngừng đẩy mạnh hoàn thiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam nhằm giảm bớt khoảng cách khác biệt giữa kế toán Việt Nam với kế toán thế giới, tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp hội nhập và phát triển.

Vì vậy, công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng cũng nên thay đổi một vài phương pháp hạch toán kế toán để phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán mới ban hành và cũng là tự tạo cơ hội cho mình nhanh chóng hòa nhập với sự phát triển của xã hội.

3.2.1 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán.

Để có thể hoàn thiện tổ chức thanh toán với người mua, người bán tại công ty thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

Hoàn thiện công tác kế toán phải dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin về kế toán mới nhất quán, việc kiểm tra, kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được. Các thông tin kế toán được lập nên dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định sẽ giúp cho việc thu thập các thông tin kế toán có chất lượng và khoa học giúp cho quá trình phân tích đánh giá và kiểm tra hoạt động tài chính của công ty một cách tốt nhất.

Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán phải đảm bảo việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời phản ánh các hoạt động tài chính của công ty, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ ko cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị nội bộ trong công ty cũng như những đối tượng quan

tâm khác. Nếu thông tin không được cung cấp kịp thời có thể ảnh hưởng đến việc xử lý tình huống cần thiết bất ngờ trong doanh nghiệp, còn các đối tượng quan tâm bên ngoài doanh nghiệp như: Ngân hàng, nhà đầu tư mà không được cung cấp thông tin kịp thời có thể công ty sẽ mất đi cơ hội đầu tư và đồng thời để lại ấn tượng không tốt cho bên đối tác, điều đó sẽ làm ảnh hưởng tới việc kinh doanh sau này.

Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán muốn thực hiện được cần đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả. Bất kì một giải pháp nào đưa ra cũng phải tính tới những chi phí bỏ ra như: chi phí cho lương nhân viên, chi phí tài chính...., và những hiệu quả mang lại khi áp dụng giải pháp đó. Bởi khi nào hiệu quả lớn hơn chi phí đã bỏ ra thì phương án đó mới được thực hiện.

3.2.1.1 Giải pháp 1: tăng cường quản lý công nợ

* Lập biên bản đối chiếu công nợ gửi khách hàng :

Ví dụ 1: Biên bản đối chiếu công nợ với công ty Không Gian Xanh đến tháng 8/2019 :

Đơn vị: Công ty TNHH DVTM Bắc Hải Phòng
Địa chỉ: Đội 2 xã Tân Dương, Thủy Nguyên, HP

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào thỏa thuận giữa 2 bên

Hôm nay ngày 30/6/2019, tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng, chúng tôi gồm có:

1. Bên mua : Công ty cổ phần Mỹ Thuật Không Gian Xanh

- Địa chỉ : xã 113 Phố Mới, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, tp HP

- Điện thoại :

- Đại diện : Ông Đỗ Văn Ty - chức vụ : Giám đốc

2. Bên bán : Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng

- Địa chỉ : Đội 2 xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, tp Hải Phòng

- Điện thoại :

- Đại diện : Bà Nguyễn Thị Hồng - chức vụ : Giám đốc

Cùng nhau đối chiếu công nợ từ 1/6/2019 đến 30/6/2019, cụ thể như sau:

1. Đối chiếu công nợ :

Đơn vị tính: VNĐ

| Stt | Diễn giải | Số tiền |
|-----|-------------------------|--------------------|
| 1 | Số dư đầu kỳ | 0 |
| 2 | Phát sinh tăng trong kỳ | 221.892.000 |
| 3 | Phát sinh giảm trong kỳ | 0 |
| 4 | Số dư cuối kỳ | 221.892.000 |

Bằng chữ : Hai trăm hai mươi một triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn đồng.

2. Công nợ chi tiết :

- Hóa đơn số 0000005 viết ngày 30/06/2019, nội dung : bán xi măng, số tiền 221.892.000đ , chưa thanh toán.

3. Kết luận :

Tính đến hết 30/6/2019 công ty Cổ phần Mỹ Thuật Không Gian Xanh còn phải thanh toán cho công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng số tiền là 221.892.000đ (Hai trăm hai mươi một triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn đồng)

Biên bản này được làm thành 02 bản mỗi Bên giữ 01 bản để làm cơ sở thanh toán giữa hai bên

**Công ty Không Gian
Xanh**

(ký, ghi họ tên)

Ngày 30 tháng 06 năm 2019
Công ty Bắc Hải Phòng

(ký tên, đóng dấu)

* Lập báo cáo tình hình công nợ

Ví dụ 2: Lập báo cáo tình hình công nợ đến hết 31/12/2019

Đơn vị: Công ty TNHH DVTM Bắc Hải Phòng

Địa chỉ: Đội 2 xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, tp Hải Phòng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2019

Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

| Stt | Tên Công ty | Công nợ | Thời hạn thanh toán | Thời gian quá hạn | Ghi Chú |
|------------|---------------------------|----------------|----------------------------|--------------------------|----------------|
| 1 | Công ty Không Gian Xanh | 310.946.000 | 25/1/2020 | Chưa quá hạn | |
| 2 | Công ty giải trí Trần Đức | 41.140.000 | 31/5/2019 | 6 tháng | |
| | | | | | |
| | Cộng phát sinh | 1.095.075.000 | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

3.2.1.2 Giải pháp 2: Dự phòng phải thu khó đòi.

Hiện nay, chiếu theo điều kiện của việc lập dự phòng phải thu khó đòi, công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng chưa khai lập dự phòng. Nhưng để kiểm soát được nguồn tài chính của công ty, tránh được tổn thất do các khoản nợ khó đòi có thể xảy ra. Sau đây em xin đưa ra các điều kiện cũng như cách thức lập phòng phải thu khó đòi theo quy định của nhà nước như sau:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Tác dụng dự phòng phải thu khó đòi: việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất về khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong năm kế hoạch nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, đảm bảo cho công ty phản ánh đúng giá trị các khoản nợ phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Về cơ sở pháp lý của việc lập dự phòng: Kế toán căn cứ vào thông tư TT48/2019TT-BTC ban hành 08/08/2019 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Điều kiện lập dự phòng: Doanh nghiệp có thể lập dự phòng phải thu khó đòi khi các khoản nợ có điều kiện như sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ bao gồm: Hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi doanh nghiệp có thể áp dụng.

Trước hết doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra và tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

| Thời gian quá hạn | Mức trích lập dự phòng |
|---------------------------|-------------------------------|
| Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 30% |
| Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 50% |
| Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 70% |
| Từ 3 năm trở nên | 100% |

- Đối với khoản nợ thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.... thì doanh nghiệp dự tính mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Tài khoản sử dụng: TK 229 : Dự phòng tổn thất tài sản.

TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi.

Đơn vị: Công ty TNHH DVTM Bắc Hải Phòng

Địa chỉ:Đội 2 xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, HP

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI
Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

| Stt | Tên Công ty | Công nợ | Thời quá hạn | Mức trích lập | Số tiền |
|------------|---------------------------|----------------|---------------------|----------------------|-------------------|
| 1 | Công ty Không Gian Xanh | 310.946.000 | chưa quá hạn | 0% | 0 |
| 2 | Công ty giải trí Trần Đức | 41.140.000 | quá hạn 6 tháng | 30% | 12.342.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | Cộng phát sinh | 1.095.075.000 | | | 22.242.000 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

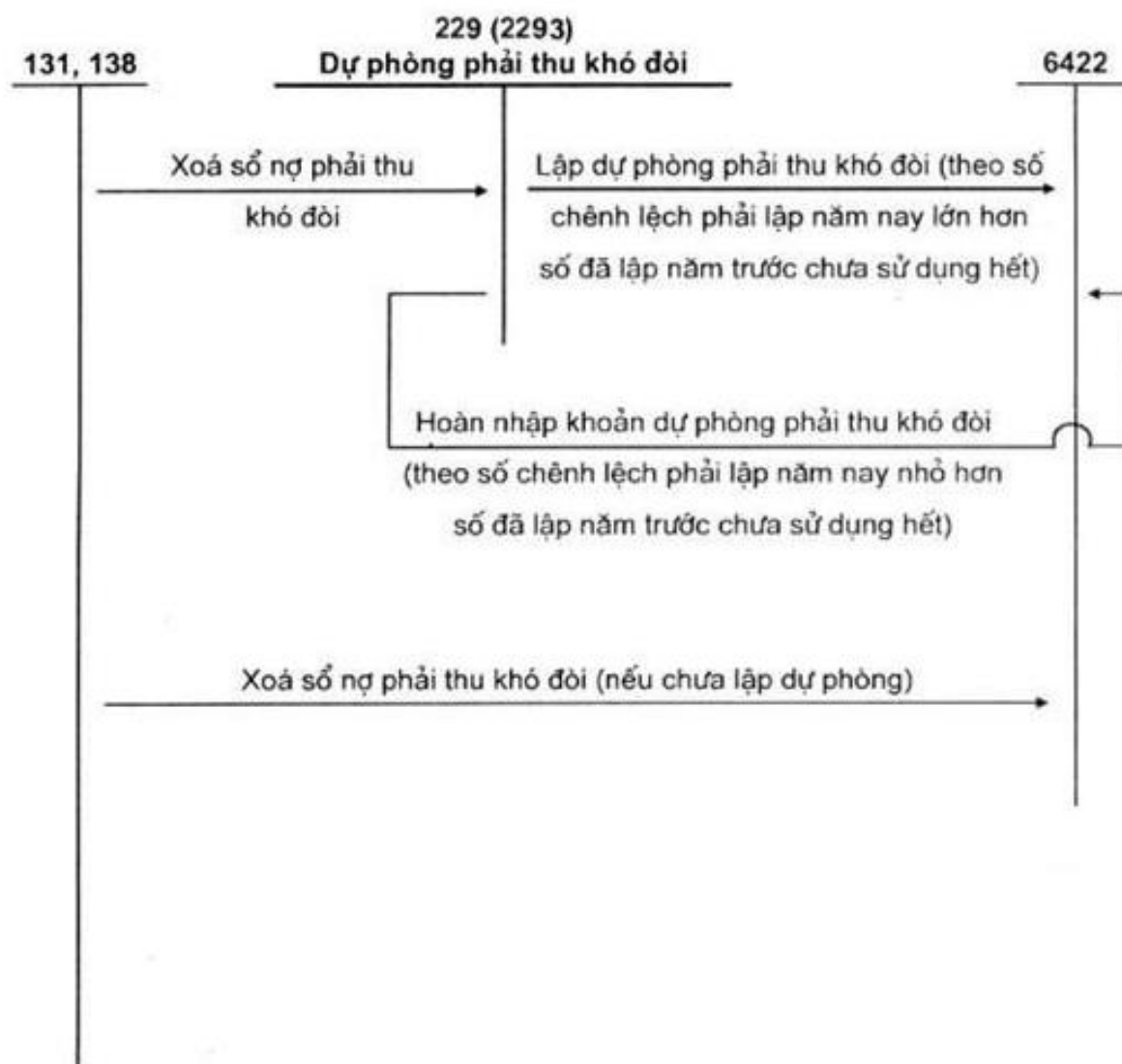
Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Định khoản đối với trích lập quỹ dự phòng nợ khó đòi

Nợ TK 6422 : 22.242.000

Có TK 2293: 22.242.000



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi

3.2.1.3 Giải pháp 3: Sử dụng phần mềm kế toán và quản lý khách hàng.

Phần mềm kế toán là 1 hệ thống được tổ chức dưới dạng chương trình máy tính dùng để xử lý tự động các thông tin trên máy vi tính, là một công cụ ghi chép lưu trữ, tính toán và tổng hợp trên cơ sở các dữ liệu đầu vào là các chứng từ gốc. Nó phải đáp ứng các nhu cầu quản trị kế toán của doanh nghiệp cũng như đáp ứng các quy định về sổ sách kế toán của nhà nước.

Một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là bạn sẽ không phải tốn quá nhiều thời gian giống như khi sử dụng hệ thống kế toán cũ. Kế toán là một quá trình chi tiết, nó liên quan đến các quy định luật lệ, thuế và nhiều tính toán phức tạp khác. Một phần mềm đã được thiết kế phù hợp với quy định, luật lệ, thuế... hiện hành sẽ giúp doanh nghiệp luôn tuân thủ

với pháp luật. Hơn nữa, nó giúp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp. Điều doanh nghiệp cần làm là nhập dữ liệu và in ra.

Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán có những ưu điểm sau:

- **Ít tốn thời gian:** đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in

Lập báo cáo: Một trong những điều tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kì theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vài giây, đây là một bước cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file excel hoặc word để sử dụng lập BCTC hàng năm. Đặc biệt các phần mềm kế toán cho phép lập các báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo hàng ngày, hàng tuần hoặc hàng tháng. Các báo cáo được tra cứu dễ dàng trên phần mềm kế toán thay vì phương pháp thủ công kế toán phải lập các báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thu thuế địa phương.

Công nợ: Quản lý công nợ nếu thao tác thủ công và cảm tính, số liệu công nợ có thể bị nhầm lẫn, thậm chí dẫn đến hao hụt tài chính doanh nghiệp, lượng tiền chết tăng dần do nợ ứ đọng, doanh nghiệp loay hoay trong vấn đề thu hồi vốn. Lúc này, phần mềm sẽ là bộ não tỉnh táo nhất ghi lại công nợ, giúp kế toán có thể theo dõi được hạn mức công nợ trên từng khách hàng, hỗ trợ theo dõi, báo cáo công nợ trên từng khách hàng, tổng công nợ khách hàng, công nợ theo từng nhân viên. Người quản lý có thể dễ dàng kiểm tra lịch sử giao dịch mức nợ, thời hạn nợ, ngày tháng ghi nợ, sản phẩm,... của từng khách hàng, quản lý có thể dễ dàng theo dõi công nợ của khách hàng này đến từ những đơn hàng nào, chi tiết ra sao. Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ tải xuống báo cáo công nợ dạng excel khi người quản lý muốn in tài liệu hoặc nhập file dữ liệu vào phần mềm kế toán để quản lý.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: FAST, CYBER, ACOUTING, MISA, ASOFT, ADSOFT, DAS... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp để hỗ trợ cho tổ chức kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng. Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng các phần mềm kế toán như sau: Phần mềm kế toán Misa, DAS, Phần mềm kế toán Fast Accounting,.....



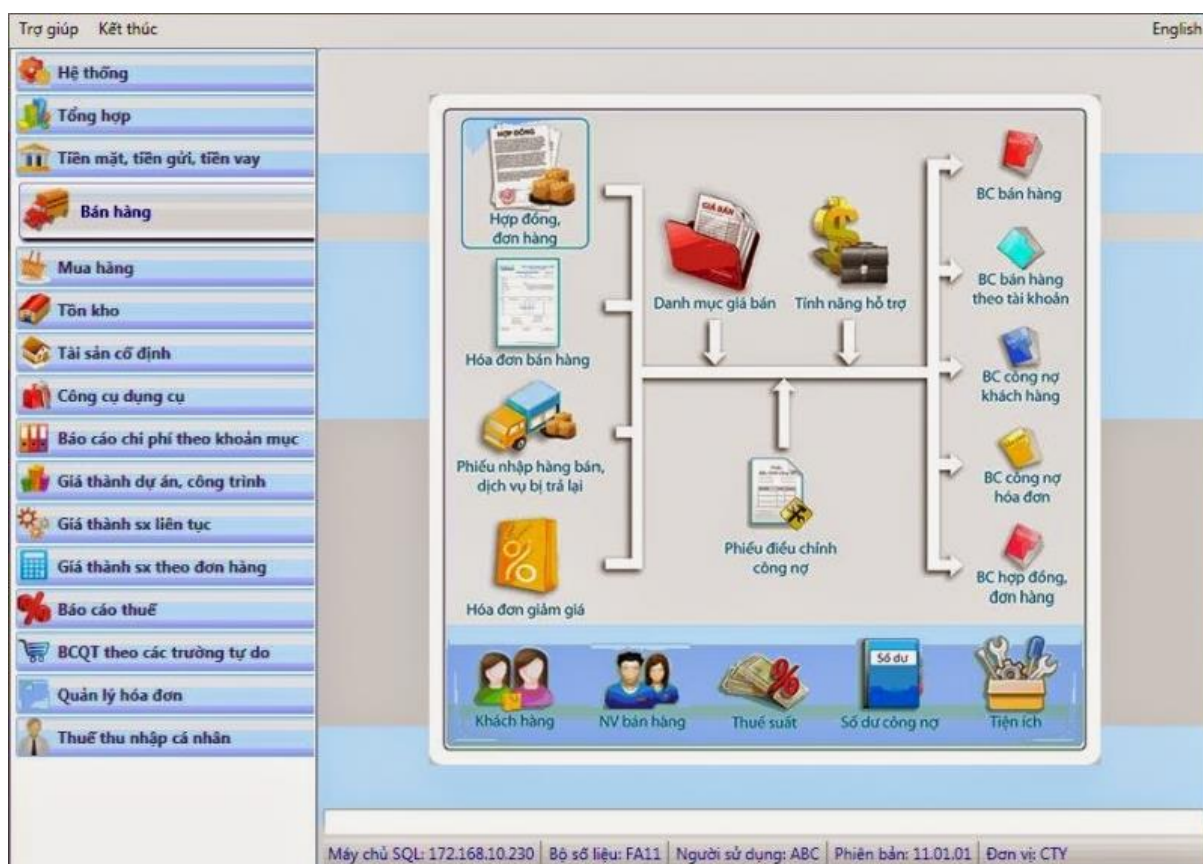
Phần mềm kế toán MiSa: [http:// www.misa.com.vn](http://www.misa.com.vn)

Chức năng:

MISA SME.NET 2020 là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, TSCĐ, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân hàng, Tổng hợp.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ tài chính – kế toán theo thông tư 133/2016/TT-BTC và 200/2014/TT-BTC của DN thuộc lĩnh vực: Thương mại, Sản xuất, Xây lắp và Dịch vụ.

Phần mềm tự động cập nhật phiên bản mới nhất giúp doanh nghiệp kịp thời cập nhật các quy định, thông tư mới nhất của BTC. Do đó, kế toán sẽ không bỏ sót bất cứ điều khoản cũng như gặp phải những sai sót không đáng có trong quá trình thực hiện công việc.



Phần mềm kế toán *Fast Accounting*: [http:// www.fast.com.vn](http://www.fast.com.vn)

Chức năng:

Fast Accounting có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch toán, nhiều loại ngoại tệ. Luôn được cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

Fast Accounting tập trung vào nâng cao tốc độ xử lý khi thực hiện giao dịch, xử lý và tính toán cuối kỳ cũng như lên báo cáo giúp người sử dụng làm việc với tốc độ nhanh nhất.

Phần mềm Fast Accounting có ưu điểm về giao diện đơn giản, dễ sử dụng cùng tốc độ xử lý nhanh. Thông tin báo cáo trên phần mềm đa dạng và dễ dàng truy xuất.

Điểm nổi bật nhất của Fast Accounting là được đánh giá là phần mềm mạnh về kế toán quản trị và tính giá thành sản xuất và giá thành công trình xây lắp.

Hai phần mềm trên đều phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ

đồng thời là công cụ đắc lực trong công tác kế toán nói chung và công tác quản lý công nợ của doanh nghiệp nói riêng.

Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.

Để có thể thuận lợi cho việc cài đặt phần mềm kế toán doanh nghiệp nên trang bị cho phòng kế toán đầy đủ máy tính có cấu hình phù hợp và có kết nối mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán viên tìm hiểu sử dụng phần mềm.

KẾT LUẬN

Hiện nay quản lý tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán là một vấn đề gây đau đầu cho những người làm sản xuất và kinh doanh, dù muốn hay không doanh nghiệp vẫn luôn phải đối mặt với nó, ví dụ như làm thế nào để thu hồi công nợ không những đúng, kịp thời mà còn ngăn ngừa được những rủi ro tiềm ẩn có thể dẫn đến tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi mà vẫn giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa hai bên... Do đó việc hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán nhằm quản lý tốt công nợ luôn là mối quan tâm lớn của doanh nghiệp.

Đề tài **“Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng”** đã hệ thống hóa lý luận chung về kế toán thanh toán trong các doanh nghiệp, mô tả được thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng và đưa ra được một số kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán. Tăng cường quản lý công nợ, áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trích lập dự phòng phải thu khó đòi và đưa các phần mềm kế toán vào sử dụng.

Trên cơ sở đưa ra các ưu, nhược điểm trong tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng, bài viết này đã đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nói trên tại công ty như sau:

- Kiến nghị tăng cường quản lý công nợ như lập hồ sơ theo dõi khách hàng,...
- Kiến nghị về việc lập dự phòng phải thu khó đòi
- Kiến nghị về áp dụng phần mềm kế toán trong tổ chức kế toán .

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 133/2016/TT (2016), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Bộ tài chính*.
4. Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Hải Phòng (2019) *Sổ sách kế toán Công ty*.